

PHẦN MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mọi doanh nghiệp khi bước vào sản xuất kinh doanh mục tiêu hàng đầu là phải sản xuất kinh doanh có lãi, như vậy mới có thể tồn tại và phát triển. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cần phải quan tâm quản lý tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao cho có hiệu quả nhất, với mục đích cuối cùng là đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý mà việc cần thiết trong quản lý là phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với doanh nghiệp thương mại.

Hàng hóa của doanh nghiệp là tài sản lưu động của doanh nghiệp dưới hình thức vật chất. Hàng hóa của doanh nghiệp có thể được mua từ bên ngoài, có thể doanh nghiệp sản xuất ra để dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh hoặc để thực hiện việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp hoặc để bán.

Nhận thức được vai trò và vị thế của hàng hóa, trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Hùng Thắng, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty và đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình là: **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Hùng Thắng.**

Nội dung khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

- Chương 1 : Lý luận chung về tổ chức kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại
- Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng.
- Chương 3 : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng .

CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.1 Khái niệm hàng hóa trong các doanh nghiệp thương mại

- Hàng hóa là đối tượng kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại, là đối tượng được doanh nghiệp thương mại mua vào để bán ra với mục đích kiếm lời.

- Hàng hóa đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau và thường xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

1.1.2. Đặc điểm của hàng hóa

Hàng hóa được biểu hiện trên hai mặt giá trị và số lượng. Số lượng của hàng hóa được xác định bằng đơn vị đo lường phù hợp với tính chất hóa học và lý học của nó như kg, lít, mét,....., nó phản ánh quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Chất lượng hàng hóa được xác định bằng tỷ lệ phần trăm tốt, xấu và giá trị phẩm cấp của hàng hóa.

Hàng hóa trong kinh doanh thương mại thường được phân loại theo các ngành hàng như:

- + Hàng vật tư thiết bị
- + Hàng công nghệ phẩm tiêu dùng
- + Hàng lương thực thực phẩm

Tổng hợp các hoạt động thuộc quá trình mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại được gọi là lưu chuyển hàng hóa.

Quá trình bán hàng trong doanh nghiệp được thực hiện theo 2 phương thức:

+ Bán buôn: đặc trưng của bán buôn là bán với số lượng lớn, khi chấm dứt quá trình mua, bán thì hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng mà phần lớn hàng hóa vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: đặc trưng của bán lẻ hàng hóa là bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, kết thúc quá trình bán lẻ thì hàng hóa đã vào lĩnh vực tiêu dùng.

Trong các doanh nghiệp thương mại vốn hàng hóa là vốn chủ yếu nhất và nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, chiếm một khối lượng công việc rất lớn. Quản lý hàng hóa là nội dung quản lý quan trọng hàng đầu trong các doanh nghiệp thương mại. Vì vậy việc tổ chức công tác lưu chuyển hàng hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

1.1.3. Vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại:

Trong doanh nghiệp thương mại, hàng hóa là một bộ phận của hàng tồn kho, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần phải theo dõi, quản lý thường xuyên về số lượng, chất lượng. Vấn đề các doanh nghiệp thương mại quan tâm hàng đầu đó là lợi nhuận, do vậy chỉ một biến động nhỏ về giá cả của hàng hóa trên thị trường mà doanh nghiệp không kịp nắm bắt cùng với các nguyên nhân ảnh hưởng khách quan và chủ quan khác cũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán hàng hóa.

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển ngày một đa dạng, các loại hình doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp thương mại muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải làm ăn có hiệu quả. Một trong những giải pháp tối ưu cho vấn đề này là doanh nghiệp phải chú ý tới công tác quản lý hàng hóa sao cho đạt hiệu quả tốt nhất.

1.2.1. Yêu cầu quản lý :

Xuất phát từ vai trò đặc điểm của hàng hóa đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu :

- Khâu thu mua : Phải quản lý về chất lượng, số lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí mua. Đảm bảo thực hiện thu mua theo kế hoạch, phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- Khâu bảo quản: Phải tổ chức tốt kho hàng, bến bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại hàng hóa tránh hư hỏng, mất mát.

- Khâu dự trữ : Đảm bảo kết cấu dự trữ hợp lý, phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại hàng hóa đảm bảo đáp ứng được cung- cầu thị trường, đồng thời tránh ứ đọng vốn do dự trữ quá lớn.

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển hàng hóa, nhập- xuất – tồn kho, trị giá vốn của từng loại hàng hóa nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Tính giá hàng hóa theo chế độ quy định và phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về thu mua hàng hóa để phục vụ cho kế hoạch bán hàng.

- Thường xuyên phân tích tình hình thu mua hàng hóa, dự trữ để điều chỉnh kịp thời kế hoạch kinh doanh của công ty.

1.3. Kế toán hàng hóa trong các doanh nghiệp thương mại

1.3.1. Quy định chung về hạch toán hàng hóa tồn kho

- Kế toán hàng hóa tồn kho phản ánh trên các tài khoản thuộc nhóm hàng tồn kho phải được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán số 02 -Hàng tồn kho về việc xác định giá gốc hàng hóa tồn kho, phương pháp tính giá trị hàng hóa tồn kho.

1.3.2 Xác định giá trị của hàng hóa

- Nguyên tắc xác định giá gốc hàng hóa tồn kho được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá, theo nguồn hình thành và thời điểm tính giá.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì hàng hoá được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT đầu vào. Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì hàng hoá được phản ánh theo giá mua có cả thuế GTGT đầu vào.

1.3.2.1 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

* Công thức tính giá hàng tồn kho

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{HTK cuối} & & \text{HTK} & & \text{hàng nhập} & & \text{xuất bán} \\ \text{kỳ} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{trong kỳ} \end{array}$$

* Các phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Trị giá thực tế hàng hóa xuất kho có thể được xây dựng theo một trong các phương pháp:

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này giá của hàng nhập kho được giữ nguyên từ khi nhập vào cho đến lúc xuất ra. Khi xuất kho mặt hàng nào thì lấy theo giá của mặt hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng rẽ từng loại hàng, các loại hàng có giá trị lớn và tính tách biệt cao.

- Phương pháp bình quân gia quyền

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Lượng thực tế} & & \text{Giá đơn vị} \\ \text{hoá xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền đòi hỏi bạn phải tính đơn giá, giá vốn bình quân của các mặt hàng tồn kho đầu kỳ cộng với những vật liệu đã mua trong kỳ kế toán nhằm xác định giá vốn hàng bán và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ. Đơn giá vốn bình quân thường được cho là đơn giá đại diện cho toàn bộ mặt hàng có sẵn để bán trong kỳ kế toán. Thay vì đợi đến cuối kỳ kế toán để tính đơn giá vốn bình quân, một số công ty dùng giá vốn đơn vị đã được xác định trước của tất cả các hoạt động xảy ra trong suốt thời kỳ kế toán. Đây là hệ thống định giá tiêu chuẩn và là biến thể của phương pháp bình quân gia quyền. Bất kỳ sự khác biệt nào giữa đơn giá vốn bình quân thực tế và đơn giá tiêu chuẩn đã được xác định trước trong suốt một kỳ thường được cộng vào hoặc trừ ra khỏi giá vốn hàng bán cho kỳ đó.

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị BQGQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá đơn vị BQGQ sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO) được thực hiện dựa trên cơ sở giả định rằng số hàng xuất ra khi có giao dịch mua bán là số hàng của lần nhập trước. Như vậy giá vốn hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của lần nhập sau.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO) trái ngược với phương pháp FIFO. Phương pháp này được thực hiện dựa trên cơ sở giả định rằng số hàng xuất ra là số hàng của lần nhập sau. Như vậy, giá vốn hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của lần nhập trước.

- Đối với vật tư hàng hoá mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

1.3.2.2 Chi phí thu mua hàng hóa.

- Chi phí thu mua hàng hóa là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến việc thu mua hàng hóa.

- Chi phí thu mua hàng hóa là một bộ phận chi phí quan trọng trong cơ cấu giá trị hàng hóa nhập kho. Vì vậy cần phải theo dõi chặt chẽ tình hình chi phí phát sinh, kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa nhằm lựa chọn được các phương pháp thu mua hàng hóa tối ưu, trên cơ sở đó tiết kiệm chi phí thu mua hàng hóa.

Chi phí thu mua hàng hóa bao gồm:

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho doanh nghiệp.
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa.
- Các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức ở quá trình thu mua.
- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, phí ủy thác nhập khẩu,...

Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng hàng hóa trong kỳ và lượng hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng hóa đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua thường được lựa chọn là:

- Trị giá mua của hàng hóa
- Số lượng
- Trọng lượng
- Doanh số của hàng hóa

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

Việc phổ biến được tiến hành theo công thức sau. Giả sử lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân bổ} \\ \text{cho hàng hoá} \\ \text{đã tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua liên quan} \\ \text{HTK đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của hàng hiện còn} \\ \text{cuối kỳ và hàng xuất bán xác} \\ \text{định tiêu thụ trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hoá đã} \\ \text{xác định tiêu} \\ \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Chi phí thu mua liên quan đến HTK cuối kỳ	=	Chi phí thu mua liên quan đến HTK đầu kỳ	+	Chi phí thu mua liên quan đến hàng nhập kho trong kỳ	-	Chi phí thu mua liên quan đến hàng đã tiêu thụ trong kỳ
---	---	---	---	--	---	--

Chú ý: Hàng hóa hiện còn cuối kỳ ở đây bao gồm: hàng hóa tồn trong kho (TK 156), hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ vào cuối kỳ (TK157), và hàng đã mua nhưng vẫn đang còn đi trên đường (TK151).

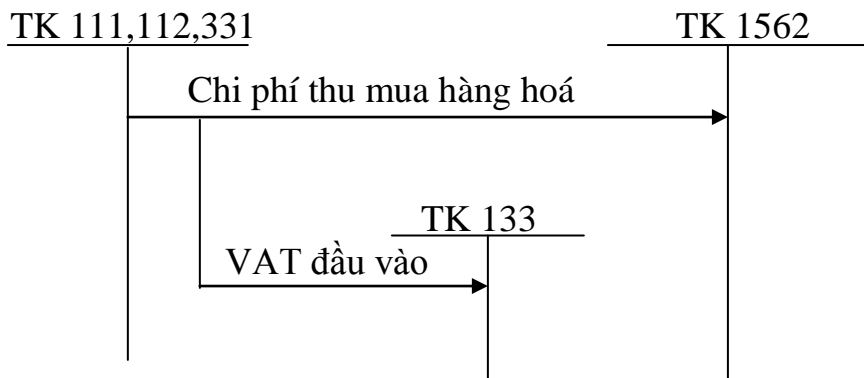
Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh:

Nợ TK 1562: Giá chưa thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

Sơ đồ 1.1: Chi phí thu mua hàng hoá phát sinh trong kỳ



1.4. Phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa trong các doanh nghiệp thương mại

- Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản và kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng hàng tồn kho. Kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho vừa được thực hiện ở kho, vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

- Kế toán chi tiết hàng hóa được thực hiện một trong ba phương pháp: Phương pháp thẻ song song, phương pháp đối chiếu luân chuyển và phương pháp sổ sổ dư.

1.4.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT.

Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT.

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 03-VT.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ: Mẫu 04-VT.

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 05-VT.

Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT.

Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: Mẫu 07-VT.

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ: Mẫu 03P XK-3LL.

Hóa đơn bán hàng thông thường: Mẫu 02GTGT-3LL.

Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, (sản phẩm, hàng hóa): Mẫu S10-DN.

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu S11-DN.

Thẻ (Sổ) kho: Mẫu S12-DN.

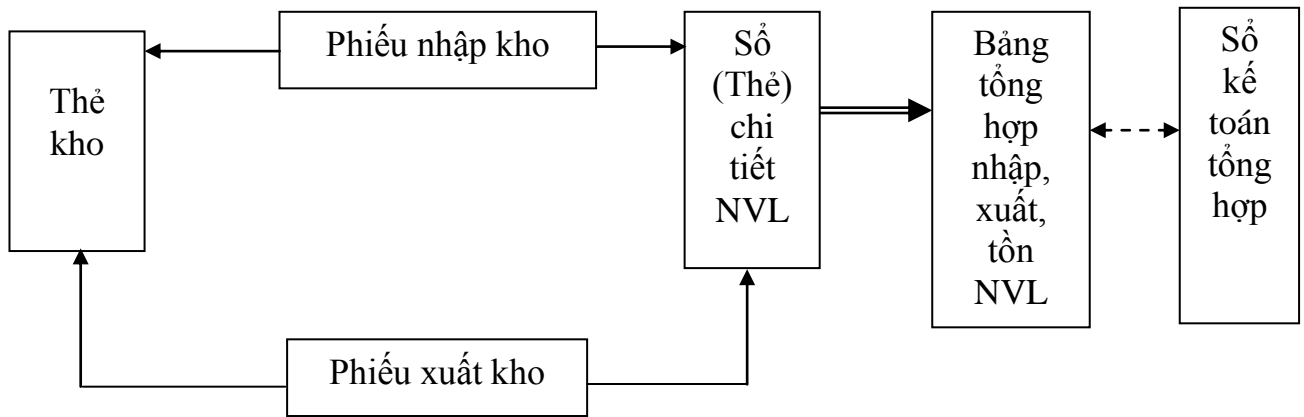
Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán được lập kịp thời, đầy đủ.

1.4.2. Tổ chức công tác kế toán chi tiết hàng hóa:

Tổ chức tốt kế toán chi tiết hàng hóa có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản hàng hóa và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng hàng hóa. Kế toán hàng hóa vừa được thực hiện ở kho vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

Trong thực tế có 3 phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa, tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể mà các doanh nghiệp có thể sử dụng một trong 3 phương pháp sau:

1.4.2.1 Phương pháp ghi thẻ song song:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

*Quy trình hạch toán:

- **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất hàng hóa ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết hàng hóa tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho hàng hóa của thủ kho chuyển đến, kế toán phải có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác của các chứng từ này rồi ghi chép vào sổ (thẻ) có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng sổ (thẻ) tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho chi tiết cho từng loại hàng hóa, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập-xuất-tồn hàng hóa.

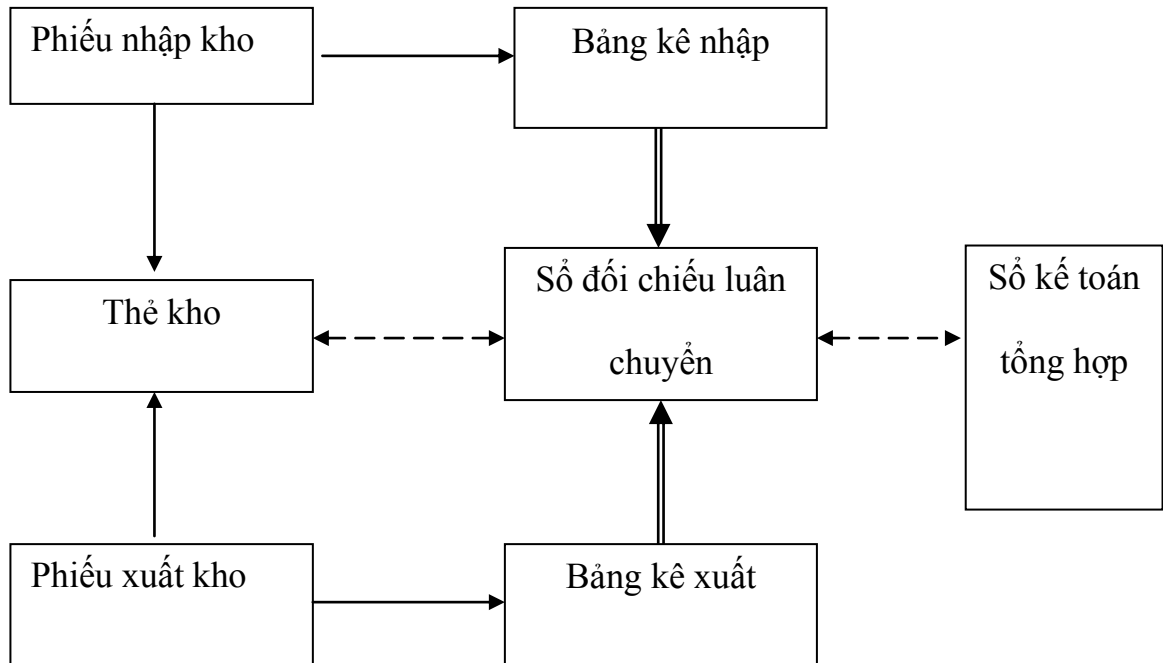
***Điều kiện áp dụng:** Cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

-**Nhược điểm:** Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán

1.4.2.2. Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra <-.->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại hàng hóa theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại hàng hóa, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

***Điều kiện áp dụng:**

Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

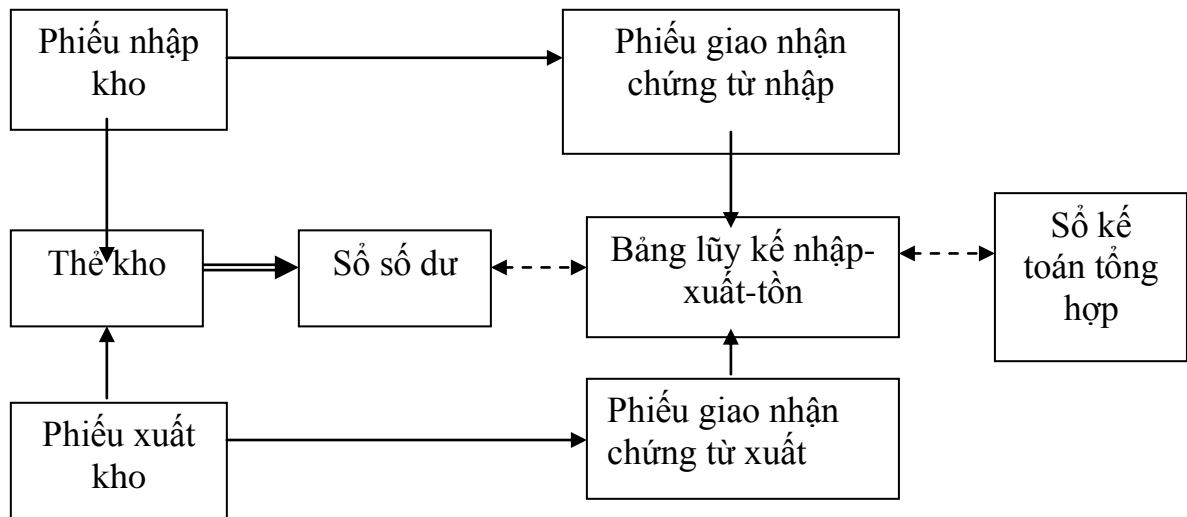
Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-**Nhược điểm:** Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

1.4.2.3. Phương pháp ghi sổ số dư:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra <- - - - ->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho hàng hóa theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm hàng hóa và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng hàng hóa tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho hàng hóa.

- **Tại phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho hàng hóa. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm hàng hóa để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ

nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm hàng hóa sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

***Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu, hàng hóa nhập-xuất-tồn kho.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

-**Nhược điểm:** Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

1.5. Kế toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa trong doanh nghiệp

1.5.1. Kế toán tổng hợp quá trình thu mua hàng hóa nhập kho

1.5.1.1. Chứng từ sử dụng:

Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT

Hoá đơn GTGT: Mẫu 02GTGT-3LL.

Phiếu chi: Mẫu 02 -TT

Thẻ kho Mẫu S12-DN.

1.5.1.2. Tài khoản sử dụng:

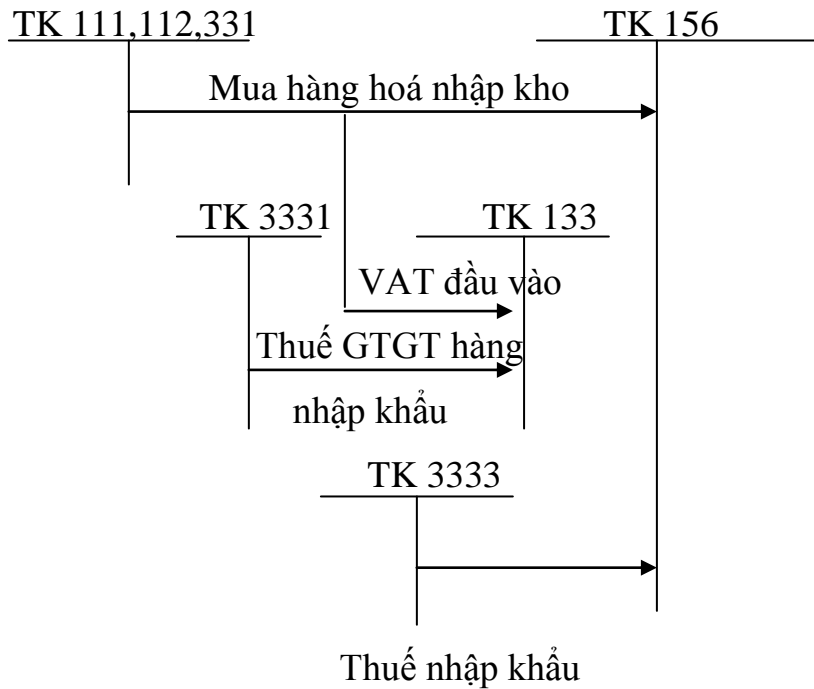
Tài khoản 156: -Hàng hóa: tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho hàng, quầy hàng.

+ Tài khoản 1561: Giá mua hàng hóa- phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho.

+ Tài khoản 1562: chi phí thu mua hàng hóa- Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa thực tế phát sinh liên quan tới số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ, bao gồm chi phí bảo hiểm, tiền thuê kho bến bãi, chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến

kho, các khoản hao hụt tự nhiên (trong định mức) phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa.

Sơ đồ 1.5: Mô hình hạch toán tổng hợp quá trình nhập kho hàng hoá



1.5.1.3. Mua hàng trong nước

+ Mua hàng trực tiếp: theo phương thức này doanh nghiệp cử nhân viên của mình trực tiếp đến mua hàng ở bên bán và trực tiếp nhận hàng chuyển về doanh nghiệp bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài.

- Sau khi nhận hàng và ký vào hóa đơn của bên bán, hàng hóa đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, mọi tổn thất xảy ra nếu có trong quá trình đưa hàng hóa về doanh nghiệp thì doanh nghiệp chịu trách nhiệm.

- Chứng từ mua hàng trong trường hợp này là: hóa đơn bán hàng, hóa đơn kèm phiếu xuất kho hoặc hóa đơn GTGT. Các chứng từ này do bên bán lập.

+ Mua hàng theo phương thức chuyển hàng: doanh nghiệp sẽ ký hợp đồng với bên bán, bên bán căn cứ vào hợp đồng sẽ chuyển hàng đến giao cho doanh nghiệp theo địa chỉ đã giao dịch trước trong hợp đồng bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài. Chi phí vận chuyển bên nào phải trả tùy thuộc vào điều kiện quyết định trong hợp đồng. Khi chuyển hàng đi thì hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán,

hàng mua chỉ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận được hàng và chấp nhận thanh toán. Chứng từ gồm có: hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho do bên bán lập gửi đến cho doanh nghiệp.

- Trường hợp mua hàng hóa trên thị trường tự do, người bán không có hóa đơn, thì doanh nghiệp phải lập phiếu kê mua hàng để làm căn cứ lập phiếu nhập kho và làm thủ tục thanh toán đồng thời làm căn cứ khấu trừ thuế.

- Hàng hóa mua về có thể làm thủ tục nhập kho hoặc chuyển bán thẳng. Nếu nhập kho thì bộ phận nhập kho và bộ phận mua hàng phải kiểm nhận hàng hóa nhập kho theo đúng thủ tục quy định. Chứng từ sử dụng trong trường hợp này là phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập và thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập vào phiếu. Sau khi nhập kho xong thủ kho cùng người lập ký vào phiếu. Phiếu nhập kho được lập thành hai liên, thủ kho giữ liên 2 để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán và liên 1 lưu ở nơi lập phiếu. Trường hợp kiểm nhận hàng có phát sinh tình hình thừa thiếu hàng hóa so với hóa đơn thì phải lập biên bản kiểm nghiệm hàng để phản ánh số hàng hóa thừa thiếu làm cơ sở tìm nguyên nhân và xử lý.

Phương pháp phản ánh nghiệp vụ mua hàng:

Trong kỳ khi mua hàng hóa nhập kho, căn cứ vào hóa đơn mua hàng và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 156: Trị giá hàng mua theo hóa đơn (giá chưa thuế)

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán.

Trường hợp hàng mua về chuyển bán thẳng không qua nhập kho.

Nợ TK 632: Trị giá mua theo hóa đơn của hàng đã bán

Nợ TK 157: Trị giá mua theo hóa đơn hàng gửi bán

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

Trường hợp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng đến cuối kỳ hàng mua vẫn chưa được kiểm nhận nhập kho theo địa điểm quy định thì căn cứ vào chứng

từ ghi: Nợ TK 151: Trị giá mua theo hóa đơn

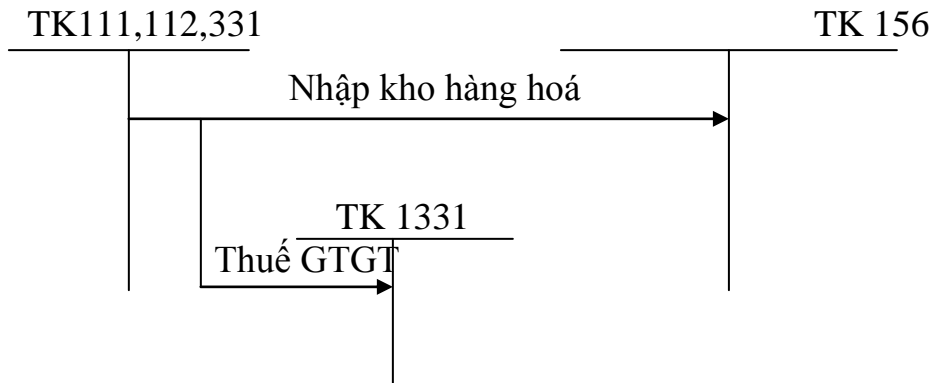
Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

Tháng sau, khi hàng về nhập kho: Nợ TK 156:

Có TK 151

Sơ đồ 1.6: Quá trình mua hàng trong nước



1.5.1.4. Mua hàng từ nước ngoài

Nhập khẩu trực tiếp

Nội dung và phương pháp phản ánh

(1) Ký quỹ mở L/C:

Nợ TK 144

Có TK 112, 1122, 311

(2) Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan đến hàng nhập để phản ánh trị giá hàng hóa nhập khẩu trực tiếp đã được nhập kho.

Nợ TK 1561: Tỷ giá thực tế

Có TK 331: Theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá

(3) Nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu

Nợ TK 3333

Nợ TK 33312

Có TK 111, 112

(4) Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp

Nợ TK 1561

Có TK 3333

(5) Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ.

Nợ TK 133

Có TK 33312

(6) Chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng

Nợ TK 1562

Có TK 111, 112, 141, 331

(7a) Nếu hàng nhập khẩu đã về đến cảng nhưng đến cuối kỳ chưa làm xong thủ tục hải quan để về nhập kho.

Nợ TK 151: Tỷ giá thực tế

Có TK 331: Tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán

Có TK 413 (hoặc Nợ TK 413): Chênh lệch tỷ giá

- Khi nhập kho, ghi :

Nợ TK 1561

Có TK 151

(7b) Khi kiểm nhận không nhập kho mà bán thẳng cho khách hoặc bán trực tiếp tại ga.

Nợ TK 157: Trị giá hàng hóa nhập khẩu chuyển đi bán

Nợ TK 632: Trị giá hàng hóa nhập khẩu bán trực tiếp tại ga

Có TK 151:

1.5.2. Kế toán tổng hợp quá trình xuất bán hàng hóa

1.5.2.1. Hàng xuất bán, gửi bán

+ Trị giá hàng xuất bán được xác định là tiêu thụ, căn cứ vào Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1561: Hàng hoá

- Phản ánh doanh thu bán hàng:

Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hàng hoá xuất bán thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 111,112,131,...(Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 (Thuế GTGT phải nộp)

Nếu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT :

Nợ TK 111,112,131,...(Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (Tổng giá thanh toán)

+Khi xuất kho hàng hoá gửi bán:

Nợ TK 157-Hàng gửi đi bán

Có TK 1561- Hàng hoá

1.5.2.2. Thuế ngoài gia công, chế biến hàng hoá

+Khi xuất kho:

Nợ TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)

Có TK 1561 (Hàng hoá)

+Chi phí gia công, chế biến:

Nợ TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)

Nợ TK 133 (Thuế GTGT được khấu trừ)

Có TK 111,112,331,...

+Gia công xong nhập lại kho:

Nợ TK 1561

Có TK 154

1.5.2.3. Xuất khẩu trực tiếp

(1) Trị giá hàng mua đang đi đường

Nợ TK 151: Trị giá hàng mua theo giá Hóa đơn chưa thuế

Nợ TK 133: thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,331: tổng giá thanh toán

(2) Trị giá lô hàng mua không về nhập kho mà được chuyển thẳng ra cảng ,
chờ làm thủ tục bốc dỡ lên tàu

Nợ TK 157

Có TK 151

(3) Trị giá thực tế hàng mua xuất kho gửi đi xuất khẩu chờ làm thủ tục bốc dỡ
lên tàu

Nợ TK 157

Có TK 1561

(4) thuế xuất khẩu đã nộp

Nợ TK 3333

Có TK 1111. 1121

(5) Doanh thu hàng xuất khẩu

Nợ TK 1122: theo tỷ giá hạch toán

Có TK 511: theo tỷ giá thực tế

Có TK 413: chênh lệch do tỷ giá thực tế < tỷ giá hạch toán

Hoặc Nợ TK 413: chênh lệch do tỷ giá thực tế > tỷ giá hạch toán

(6) Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp

Nợ TK 511

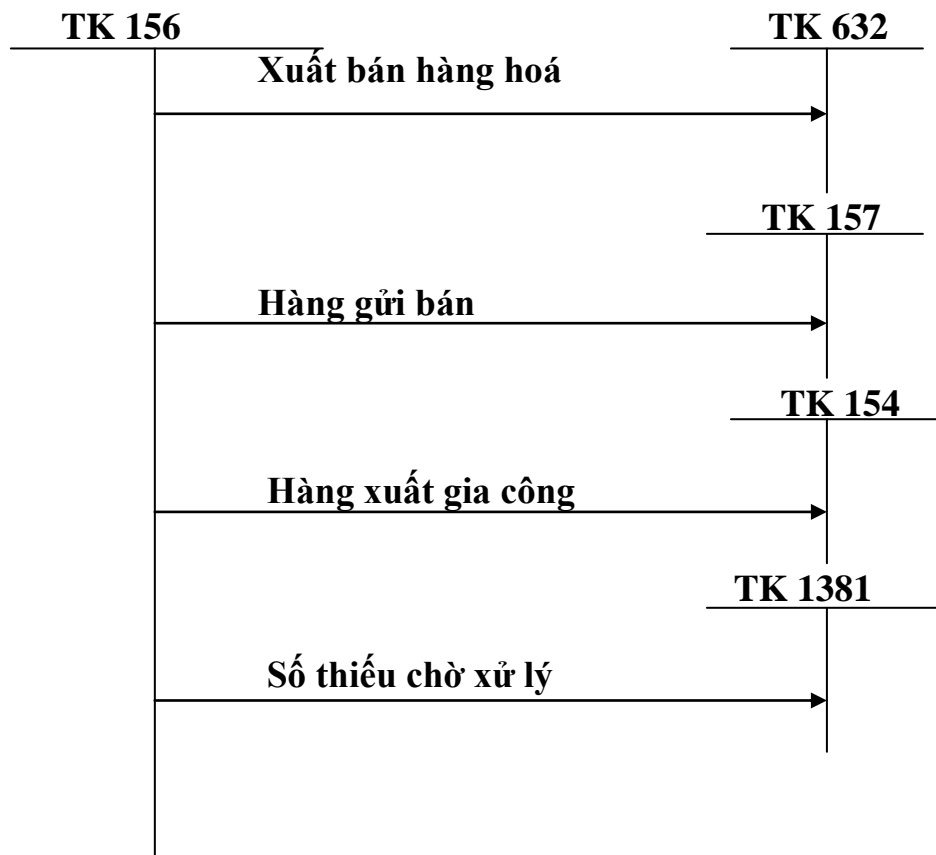
Có TK 3333

(7) Kết chuyển trị giá vốn hàng mua đã xác định tiêu thụ

Nợ TK 632

Có TK 157

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ tổng hợp xuất kho hàng hoá



1.6. Kế toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.6.1. Đặc điểm của phương pháp

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho hàng hóa một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng hóa tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng hóa tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

1.6.2. Tài khoản sử dụng:

①.**Tài khoản 156 “Hàng hóa”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

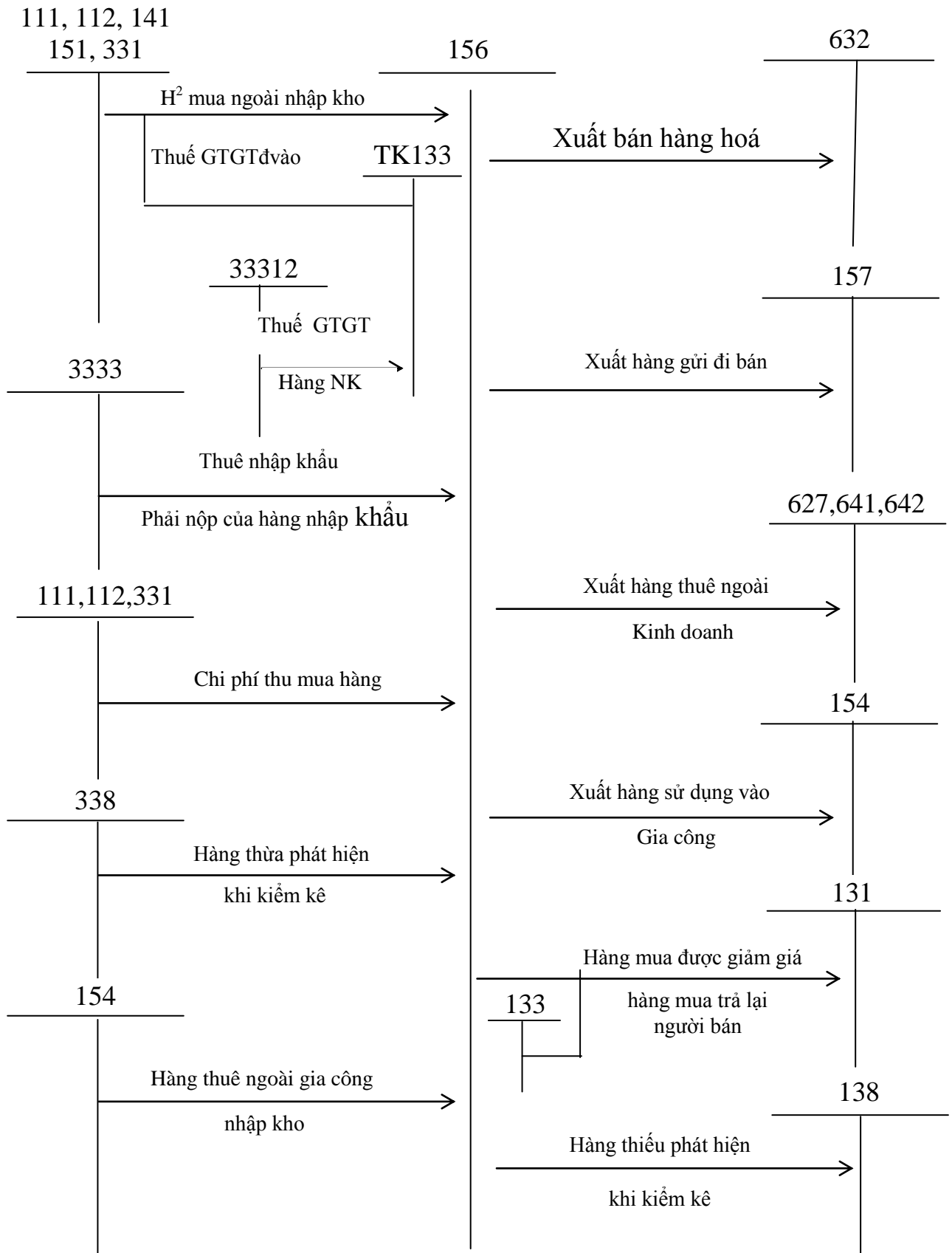
②.**TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

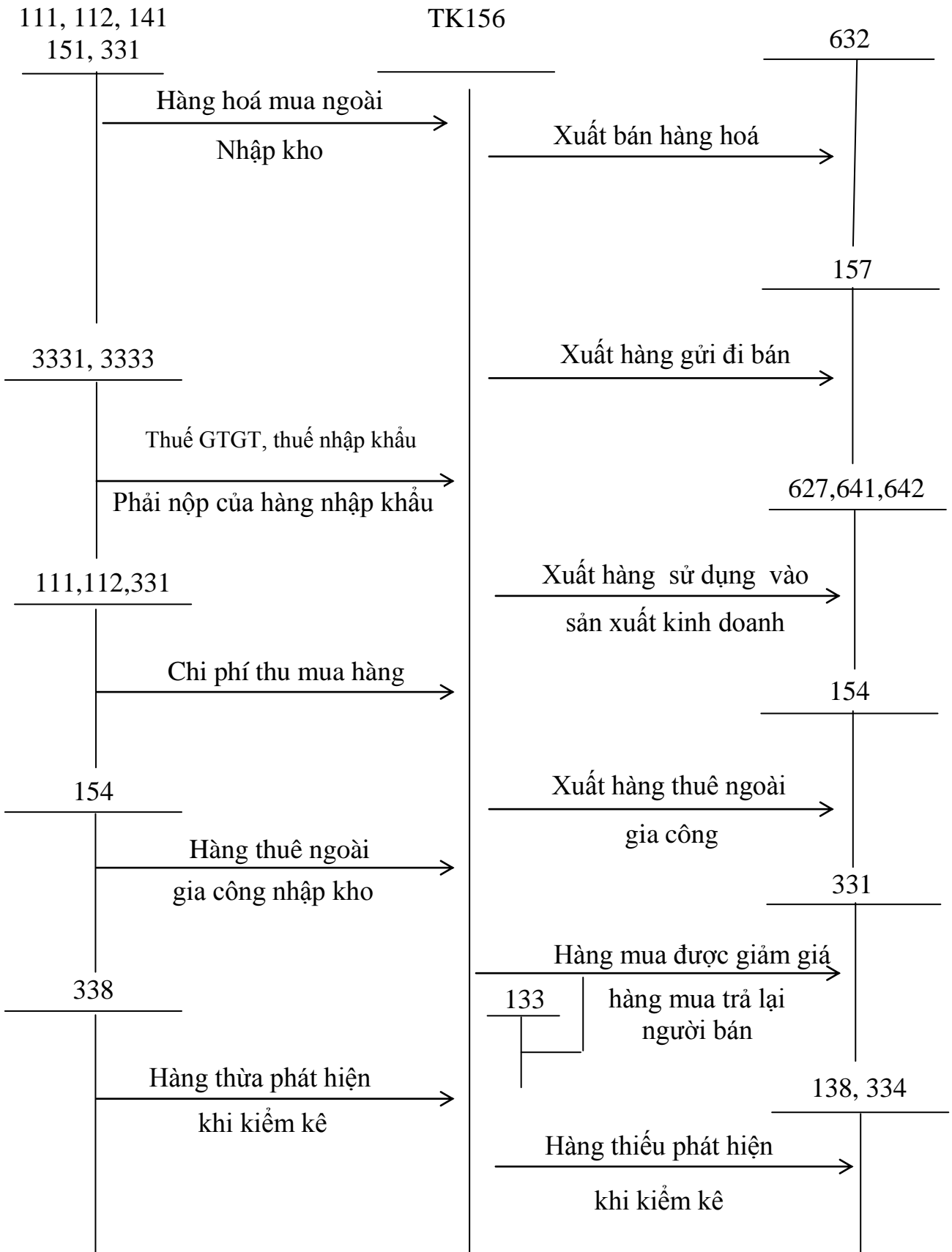
Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ 1.8

Sơ đồ 1.8: Hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.9: Hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

(Cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.7. Kế toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.7.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng đã xuất trong kỳ.

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng tồn kho nói chung (hàng hóa nói riêng) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Trị giá của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên TK 611 -Mua hàng (TK 6112: mua hàng hóa).

- Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa với mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, tình hình nhập xuất liên tục, thường xuyên.

- Phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép kế toán nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất kho bị ảnh hưởng của chất lượng, công tác quản lý tại kho quày, bến bãi.

1.7.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng: 151, 156, 157, 611 (6112).

- Kết cấu và nội dung của tài khoản 611 (6112)

Bên Nợ: Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ.

+ Trị giá thực tế gửi bán nhưng chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.

+ Trị giá thực tế hàng mua đi đường đầu kỳ

+ Trị giá thực tế hàng hóa mua vào trong kỳ hay hàng hóa đã bán bị trả lại trong kỳ.

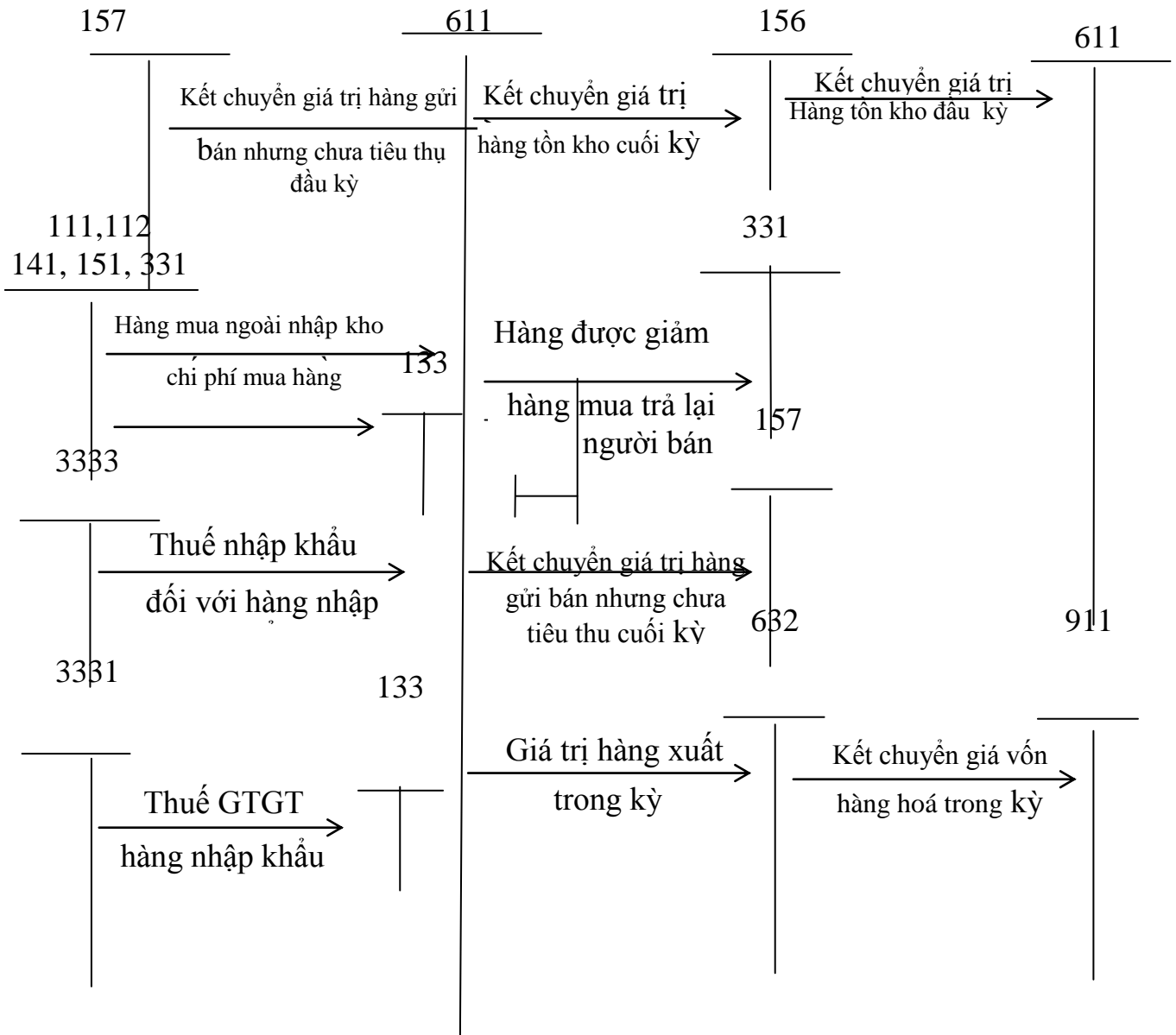
Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế hàng hóa tồn kho cuối kỳ

+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ

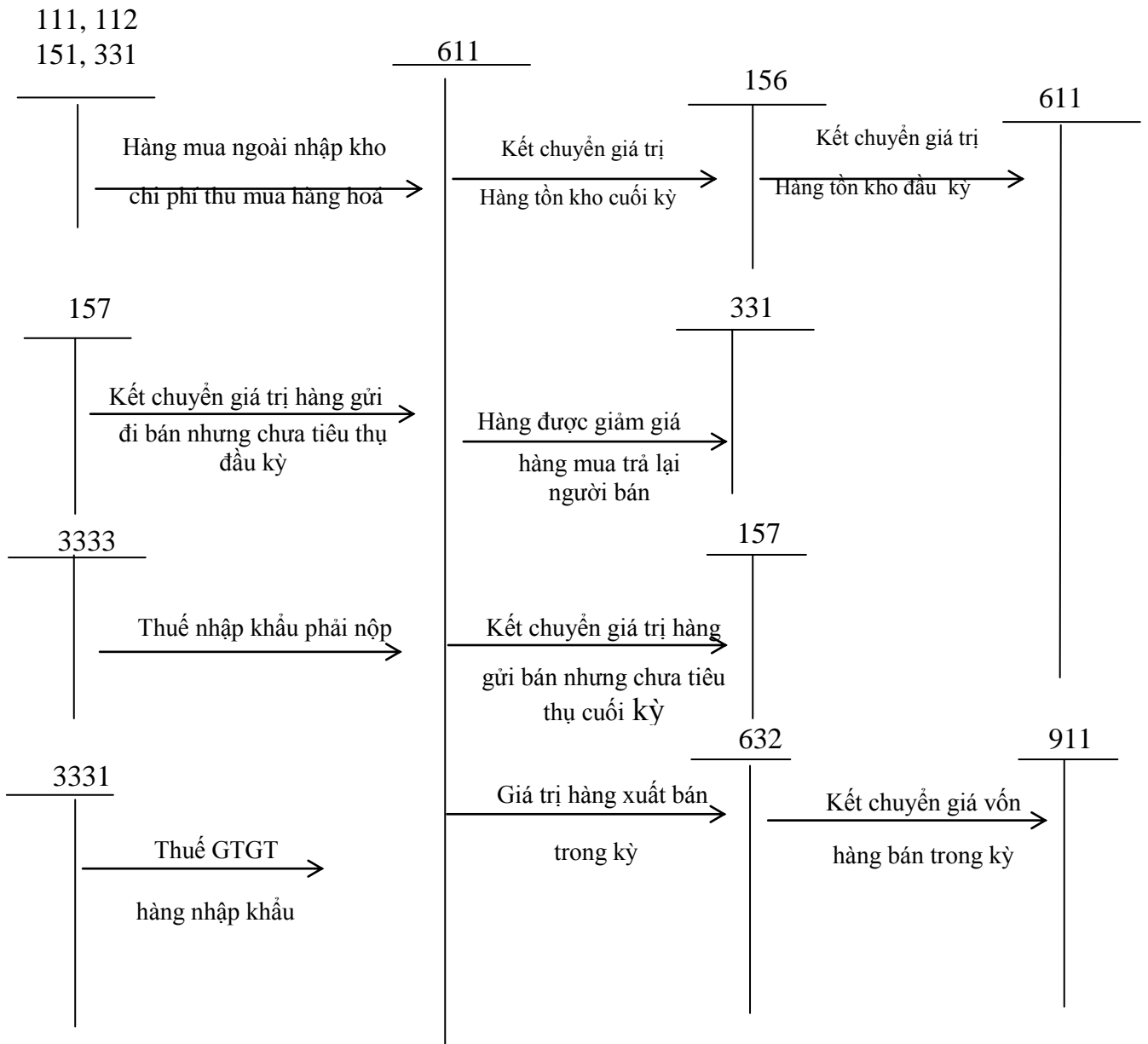
+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng đi đường cuối kỳ

- + Trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.
- + Số tiền được giảm giá về số hàng hóa đã mua không đúng quy cách, phẩm chất, tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.10: Hạch toán hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ
(Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



**Sơ đồ 1.11: Hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ
(Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



1.8. Vấn đề kiểm kê hàng tồn kho

1.8.1. Khái niệm

Kiểm kê hàng hoá tồn kho là nhằm xác định chính xác số lượng, chất lượng, giá trị từng loại hàng hoá hiện có của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản nhập - xuất và sử dụng hàng hoá, phát hiện và xử lý kịp thời những hàng hoá hao hụt, hư hỏng, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí hàng hoá. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa vào nền nếp công tác và hạch toán hàng hoá ở doanh nghiệp.

Đánh giá lại hàng hoá thường được thực hiện trong trường hợp Nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem hàng hoá đi góp vốn liên doanh.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý, kiểm kê hàng hoá có thể được thực hiện theo phạm vi từng bộ phận, đơn vị hoặc toàn doanh nghiệp, kiểm kê định kỳ hoặc kiểm kê bất thường.

Khi kiểm kê doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê phải có thành phần của đại diện lãnh đạo những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo quản hàng hoá, phòng kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp khi kiểm kê phải thực hiện cân, đong, đo, đếm và phải lập biên bản kiểm kê (08 - VT). Xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ sách kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch (nếu có).

1.8.2. Phương pháp hạch toán khi kiểm kê

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê hàng hoá xác định thừa chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 156: Hàng hoá

Có TK 3381: Hàng hoá thừa chờ xử lý

- Trường hợp thiếu hàng hoá chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1381: Hàng hoá thiếu chờ xử lý

Có TK 156: Hàng hoá

- Trường hợp phát hiện hàng hoá thiếu đã xác định được nguyên nhân người phạm lỗi phải bồi thường:

Nợ TK 111: Tiền mặt

Nợ TK 334: Trừ vào lương

Nợ TK 1388: Phải thu khác

Có TK 156: Hàng hoá

- Trường hợp kiểm nhận hàng hoá mua về nhập kho, nếu số kiểm nhận lớn hơn hoặc nhỏ hơn số ghi hoá đơn, Hội đồng hoặc ban kiểm nhận phải lập biên bản kiểm nghiệm (MS 05 - VT) và xác định nguyên nhân cụ thể để ghi sổ kế toán.

Nếu thừa với số lượng lớn do bên giao nhầm kế toán ghi vào TK 002: Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công và phải có trách nhiệm báo cho bên bán biết để xử lý. Trong thời gian giữ hộ, doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo quản số hàng hoá đó.

Trường hợp thiếu hàng hoá chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 156: Số thực nhập

Nợ TK 138: Số thiếu

Có TK 111, 112, 331: Số theo hoá đơn

Nếu giá trị hàng hoá thiếu nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt trong định mức) thì được tính vào giá trị vật tư, hàng hoá nhập kho.

- Trường hợp đánh giá lại hàng hoá, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại. Căn cứ vào biên bản đánh giá lại:

+ Nếu đánh giá lại nhỏ hơn giá ghi sổ kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại hàng hoá

Có TK 156: Hàng hoá

+ Nếu đánh giá lại lớn hơn giá ghi sổ kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 156: Hàng hoá

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại hàng hoá

1.8.3. Xử lý kết quả kiểm kê và đánh giá lại hàng hoá

Căn cứ vào quyết định của hội đồng xử lý hàng hoá:

- Số hàng hoá thừa:

Nợ TK 3381: Số thừa chờ xử lý

Có TK 721: Thu nhập bất thường

- Số hàng hoá thiếu:

+ Nếu thiếu hụt, tổn thất trong định mức:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1381: Phải thu khác

+ Nếu số hàng hoá thiếu mà người chịu trách nhiệm vật chất phải bồi thường thì ghi:

Nợ TK 1388: Phải thu khác

Nợ TK 334: Trừ vào lương

Nợ TK 111: Tiền Mặt

Có TK 1381: Số thiếu chờ xử lý

- Đối với kiểm kê chênh lệch do đánh giá lại, nếu được phép ghi tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh:

+ Nếu ghi tăng nguồn vốn kinh doanh:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu ghi giảm nguồn vốn kinh doanh:

Nợ TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

1.9. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị ghi xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần chính là số dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại vật tư,

sản phẩm, hàng hóa tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải xét đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159:

TK159	
Nợ	Có
- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ	- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
- Cộng phát sinh	- Cộng phát sinh
	<u>SDCK:</u> Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có trong kỳ

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.10 Đặc điểm kế toán hàng hóa theo các hình thức kế toán.

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

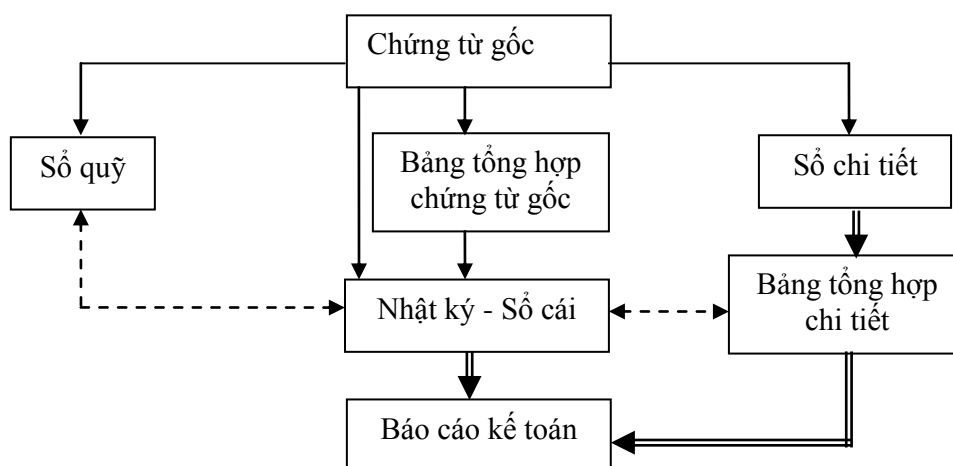
Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: Nhật ký - sổ cái, Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

1.10.1 Hình thức Nhật ký - sổ cái.

-Đặc điểm: sử dụng Sổ Nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

-Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

-Nhược điểm: khó phân công công việc.



Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

* **Ghi chú:** \longrightarrow : Ghi hàng ngày (định kỳ).

\Longrightarrow : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).

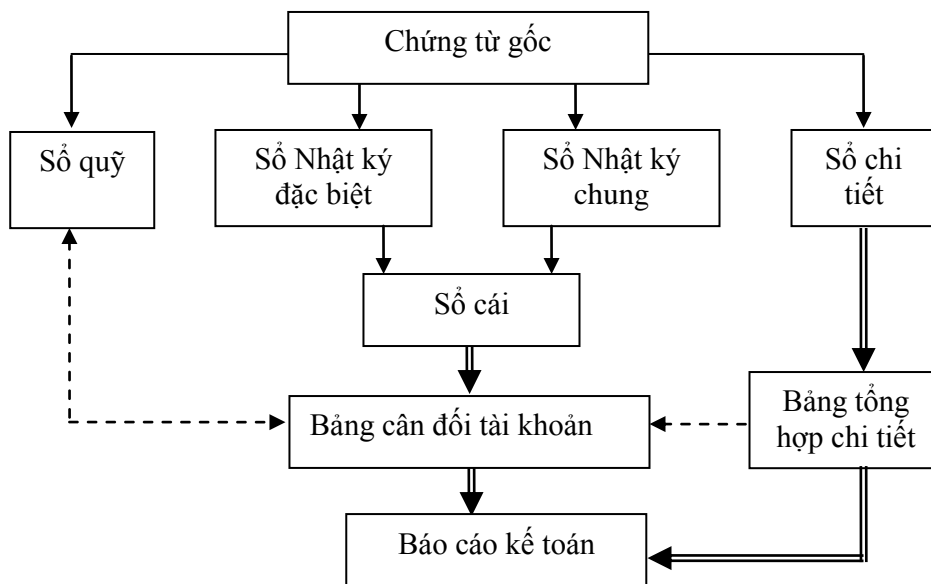
$\leftarrow\text{---}\rightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra.

1.10.2 Hình thức Nhật ký chung.

-Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK có liên quan.

-Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc.

-Nhược điểm: việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.



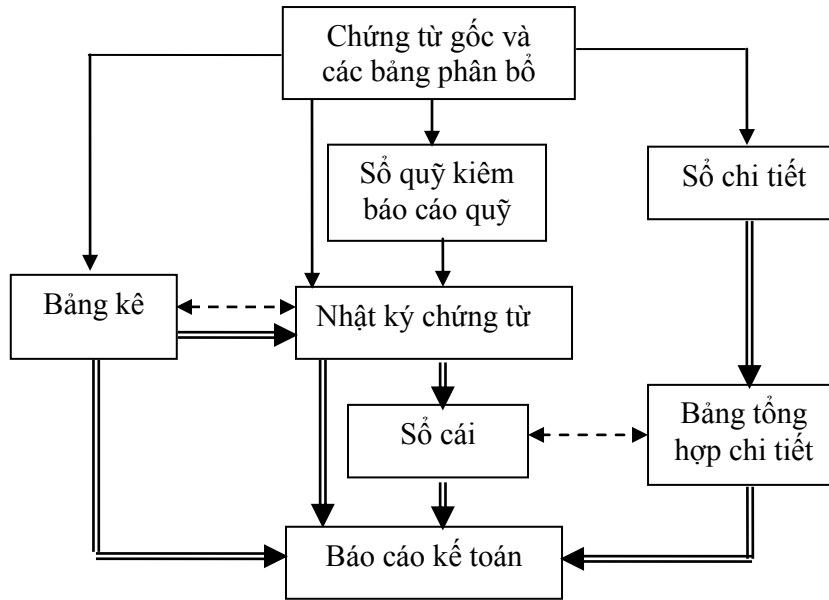
Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.10.3 Hình thức Nhật ký chứng từ.

-Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

-Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ sách theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

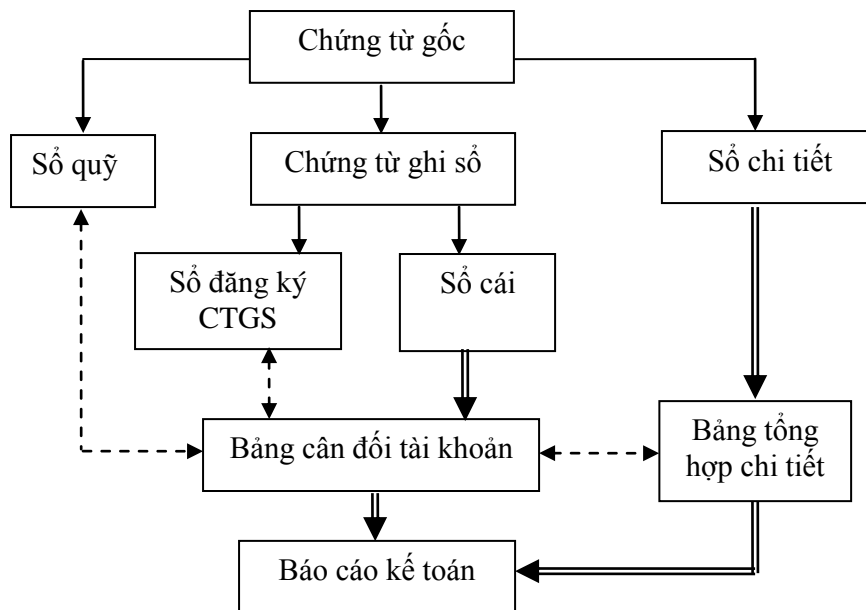
-Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.



Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

1.10.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.

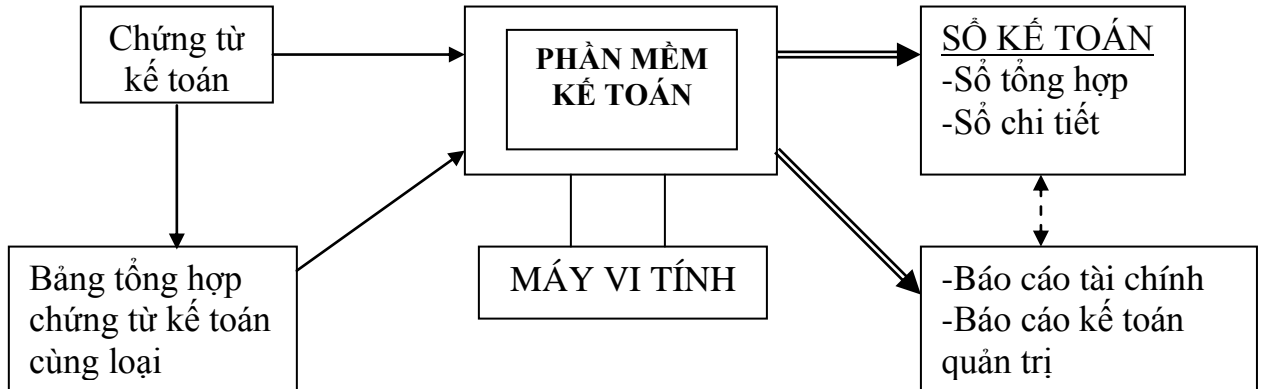
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.10.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán trên máy được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.16: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HOÁ TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG

2.1 Khái quát hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hùng Thắng

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Hùng Thắng là Công ty được thành lập ngày 12 tháng 01 năm 2004 và Đăng ký thay đổi lần thứ ba theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0200575862 của Phòng Đăng ký Kinh Doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH HÙNG THẮNG**

Tên tiếng anh : Hung Thang Limited Company

Trụ sở giao dịch : Số 57 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Điện thoại : 0313. 752367 Fax: 0313. 752367

Vốn điều lệ : 2.500.000.000

Công ty TNHH Hùng Thắng là doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại Ngân hàng Công thương và có con dấu riêng để giao dịch. Công ty còn được quyền mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty:

- Bán buôn sắt thép
- Đại lý mua bán hàng hoá
- Vận tải hành khách đường thuỷ, nội địa
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận và không ngừng đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định, phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong những năm tới, phương hướng phát triển của Công ty là tiến hành mở rộng quy mô sản xuất, thu nhận thêm nhiều công nhân nữa tạo điều kiện giúp họ có công ăn việc làm để tự nuôi sống bản thân cũng như gia đình.

2.1.2. Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của công ty trong quá trình hoạt động

2.1.2.1 Những khó khăn của Doanh nghiệp

Nền kinh tế hội nhập tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tuy vậy cũng tạo ra không ít các thách thức, vì vậy doanh nghiệp phải phấn đấu để theo kịp với xu thế của thời đại cũng như tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Vì mới được thành lập nên công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý cũng như trong hoạt động kinh doanh vì chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như những mối quan hệ làm ăn lâu dài.

Trên thị trường đã có nhiều doanh nghiệp có tên tuổi trong ngành nên doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh.

Do biến động giá cả trên thị trường nên doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả chưa cao, trong năm chưa nắm bắt được thị trường, thu hút khách hàng còn hạn chế.

Để khắc phục những khó khăn đó công ty phải không ngừng tăng cường nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên để từ đó tạo ra đội ngũ nhân viên vừa nhiệt huyết vừa có chuyên môn. Bên cạnh đó công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút bạn hàng cũng như tạo được thương hiệu trên thị trường.

2.1.2.2. Những thuận lợi trong nền kinh tế thị trường

Với nền kinh tế hội nhập, cơ chế mở cửa thông thoáng, nền hành chính được cải cách tạo nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Hùng Thắng nói riêng.

Với lĩnh vực vận tải hành khách đường thủy, nội địa công ty có rất nhiều thuận lợi vì nằm trên địa bàn Hải Phòng - một trong những cảng biển lớn nhất của Việt Nam.

Hơn nữa, công ty đang dần nắm bắt được những công nghệ kỹ thuật tiên tiến để ngày càng nâng cao chất lượng hàng hoá dịch vụ của mình.

Một yếu tố không thể thiếu giúp công ty phát triển đó là sự nhiệt tình, sự phấn đấu nỗ lực không mệt mỏi và đầy trách nhiệm của đội ngũ nhân viên trong công ty.

2.1.2.3. Thành tích cơ bản doanh nghiệp đạt được

Là một doanh nghiệp mới thành lập nhưng công ty TNHH Hùng Thắng đang có những bước phát triển mạnh mẽ, công ty luôn ổn định nguồn hàng trên thị trường, cơ sở vật chất, bến bãi được nâng cấp, đầu tư mới đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và an toàn lao động. Công ty luôn làm tròn nghĩa vụ đóng góp ngân sách Nhà nước và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Có thể đánh giá tình hình phát triển của công ty qua một số chỉ tiêu cơ bản sau :

Biểu số 2.1:

BẢNG PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm nay (Năm 2009)	Năm trước (Năm 2008)	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối	%
1	2	3	4	5
1. Doanh thu BH CCDV	27.213.339.037	25.595.434.332	1.617.904.700	6,32
2. Giá vốn hàng bán	26.695.664.927	25.119.817.368	1.575.847.559	6,27
3. LN về BH và CCDV	517.674.110	475.616.964	42.057.146	8,84
4. Doanh thu HĐ TC	1.172.841	932.301	240.540	25,8
5. Chi phí tài chính - Trong đó: CP lãi vay	118.145.497	102.905.000	15.240.497	14,81
6. CP BH, CP QLDN	385.131.378	370.798.286	14.333.092	3,87
7. LN thuần từ HĐKD	15.570.076	2.845.979	12.724.097	447,09
8. Thu nhập khác	0	0	0	0
9. Chi phí khác	0	0	0	0
10. Lợi nhuận khác	0	0	0	0
11. Tổng LNKT trước thuế	15.570.076	2.845.979	12.724.097	447,09
12. Thuế TNDN phải nộp	3.892.519	796.874	3.095.645	388,47
13. LN sau thuế TNDN	11.677.557	2.049.105	9.628.452	469,88

Bảng phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hùng Thắng cho ta thấy Doanh thu năm 2009 so với năm 2008 tăng từ 25.595.434.332 đồng lên 27.213.339.037 đồng tức là tăng 1.617.904.700 đồng tương ứng với 6,32 %. Nguyên nhân làm cho doanh thu của công ty tăng là do nhu cầu tiêu thụ sắt thép trên thị trường tăng mạnh đã làm cho lượng hàng hoá của doanh nghiệp bán ra cũng tăng theo. Mặc dù doanh thu của doanh nghiệp tăng

nhưng tốc độ tăng này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, vì vậy doanh nghiệp cần kết hợp các yếu tố khách quan và có những biện pháp chủ động trong công tác bán hàng, mở rộng thị trường.

Giá vốn hàng bán từ 25.119.817.368 đồng tăng lên 26.695.664.927 đồng tức là tăng 1.575.847.559 đồng tương ứng với 6,27%, xét tỷ số giữa tốc độ tăng giá vốn với tốc độ tăng doanh thu ta có $6,27\%/6,32\%=0,99$, có nghĩa là khi doanh thu tăng lên 1 đồng thì giá vốn tăng lên 0,99 đồng. Vì vậy, doanh nghiệp cần tiếp tục tiến hành các biện pháp nhằm giảm giá vốn hàng bán để nâng cao lợi nhuận hơn nữa.

Doanh thu của công ty tăng làm cho lợi nhuận của công ty năm 2009 so với năm 2008 cũng tăng theo, tăng từ 475.616.964 đồng lên 517.674.110 đồng tương ứng tăng 8,84 %. Có được điều này là do doanh nghiệp đã tập trung đầu tư đổi mới, nâng cao trang thiết bị, mở rộng kho hàng, công nhân viên được tạo những điều kiện tốt nhất để làm việc và được bảo đảm an toàn lao động.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2009 có xu hướng tăng so với năm 2008 từ 932.301 đồng lên 1.172.841 đồng, tương ứng tăng 25,8 % và chi phí tài chính (chi phí lãi vay) tăng từ 102.905.000 đồng lên 118.145.497 đồng tương ứng tăng 14,81 %. Bên cạnh đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 3,87 % (từ 370.798.286 đồng lên 385.131.378 đồng). Điều này là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do nền kinh tế thị trường đang xuất hiện lạm phát làm cho giá cả thị trường có mức tăng đột biến, cụ thể là làm cho chi phí vận chuyển, chi phí kho bãi cũng như các chi phí liên quan khác tăng lên đáng kể. Do đó, ban lãnh đạo cần phối hợp với toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty cần đưa ra các biện pháp cần thiết để giảm chi phí, góp phần làm tăng lợi nhuận.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2009 so với năm 2008 tăng từ 2.845.979 đồng lên **15.570.076** đồng tương ứng tăng 447,09 %. Đó là do kết quả của việc giảm lãi gộp trong khi chi phí quản lý lại tăng lên so với năm 2008.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2009 tăng so với năm 2008 một khoản là 12.724.097 đồng, tương ứng 447,09 %. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2009 tăng so với năm 2008 một khoản là 9.628.452 đồng, tương ứng 469,88 %.

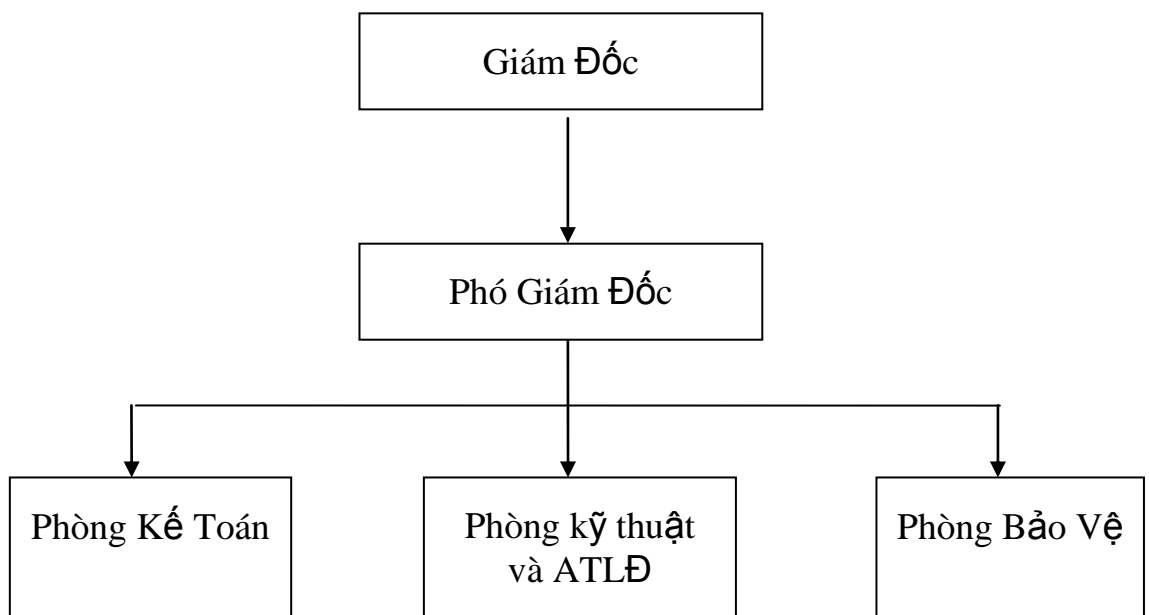
Tóm lại doanh thu và lợi nhuận của công ty đều tăng vì năm 2008 do công ty chịu ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới suy thoái nhưng sang năm 2009 nền kinh tế phục hồi. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần có những biện pháp hợp lý trong công tác quản lý chi phí, khắc phục những nhược điểm và phát huy những thế mạnh của mình để đạt kết quả cao hơn.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Hùng Thắng.

Cơ cấu tổ chức có vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của công ty. Một cơ cấu tổ chức hợp lý khoa học và gọn nhẹ, phân công cụ thể quyền hành và trách nhiệm rõ ràng sẽ tạo nên một môi trường làm việc thuận lợi cho mỗi cá nhân nói riêng và các bộ phận nói chung.

Hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hùng Thắng được xây dựng và tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Giám đốc trực tiếp điều tiết quá trình kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các bộ phận chức năng có nhiệm vụ tư vấn, giúp việc cho các Giám đốc trong quá trình ra các quyết định kinh doanh.

Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý của công ty TNHH Hùng Thắng



- **Giám đốc:** là người trực tiếp điều hành mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các công tác khác theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, có nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, giữ và bảo toàn vốn, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, cấp trên về kết quả kinh doanh của Công ty.

- **Phó giám đốc:** là người giúp việc cho giám đốc, thay mặt giám đốc giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước giám đốc các hoạt động liên quan đến lĩnh vực mà mình phụ trách.

- **Phòng kế toán:** Có chức năng nhiệm vụ phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động của đơn vị gồm các tài sản, vật tư hàng hoá, tiền vốn. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan. Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động. Tìm các biện pháp đáp ứng vốn kịp thời, đề xuất các biện pháp quản lý hợp lý và giúp Ban lãnh đạo Công ty có được những quyết định chính xác trong hoạt động kinh doanh.

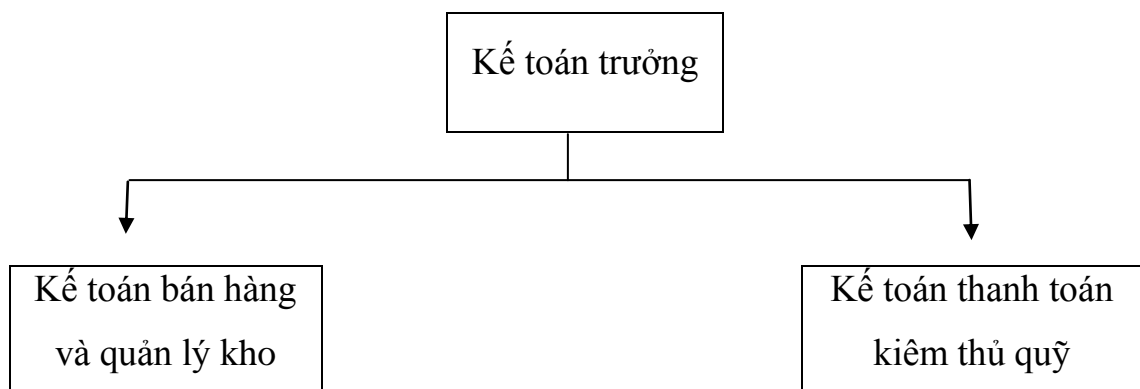
- **Phòng kỹ thuật và an toàn lao động:** Có nhiệm vụ tham mưu, quản lý về kỹ thuật của các dự án, các hợp đồng. Ngoài ra còn chịu trách nhiệm về kỹ thuật an toàn lao động.

- **Phòng bảo vệ:** Có nhiệm vụ bảo vệ các tài sản của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Hùng Thắng

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2 : Bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Hùng Thắng



- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty, chỉ đạo chung về hoạt động của bộ máy kế toán, tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập các báo cáo tài chính.

- **Kế toán bán hàng và quản lý kho:** Phụ trách mảng cung tiêu hàng hoá của công ty, hàng ngày tập hợp chứng từ, xử lý chứng từ đồng thời chịu trách nhiệm quản lý hàng hoá nhập - xuất - tồn kho.

- **Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ :** ngoài công việc thủ quỹ còn phải chịu trách nhiệm về việc theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với khách hàng và các nhà cung cấp, nội bộ Công ty, tiền vay của Công ty tại ngân hàng, đồng thời quản lý, lưu trữ, tập hợp các chứng từ liên quan tới việc thanh toán để ghi sổ chi tiết thanh toán, tiền vay, đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch, chủ động lập kế hoạch thu hồi vốn, đối chiếu công nợ với các bên.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Dựa vào tình hình thực tế của công ty, bộ máy cán bộ kế toán, để tiến hành công việc kế toán trong công ty đã chọn hình thức chứng từ ghi sổ. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tách rời việc ghi sổ kế toán theo trình tự thời gian và hệ thống hoá các nghiệp vụ theo tài khoản. Hình thức này thích hợp với mọi loại hình đơn vị. Sổ sách trong hình thức này bao gồm:

- Chứng từ ghi sổ : Là sổ kế toán kiểu từ rời dùng để hệ thống hoá chứng từ ban đầu theo các nghiệp vụ kinh tế. Thực chất là định khoản nghiệp vụ kinh tế trên chứng từ gốc để tạo điều kiện cho việc ghi sổ cái.

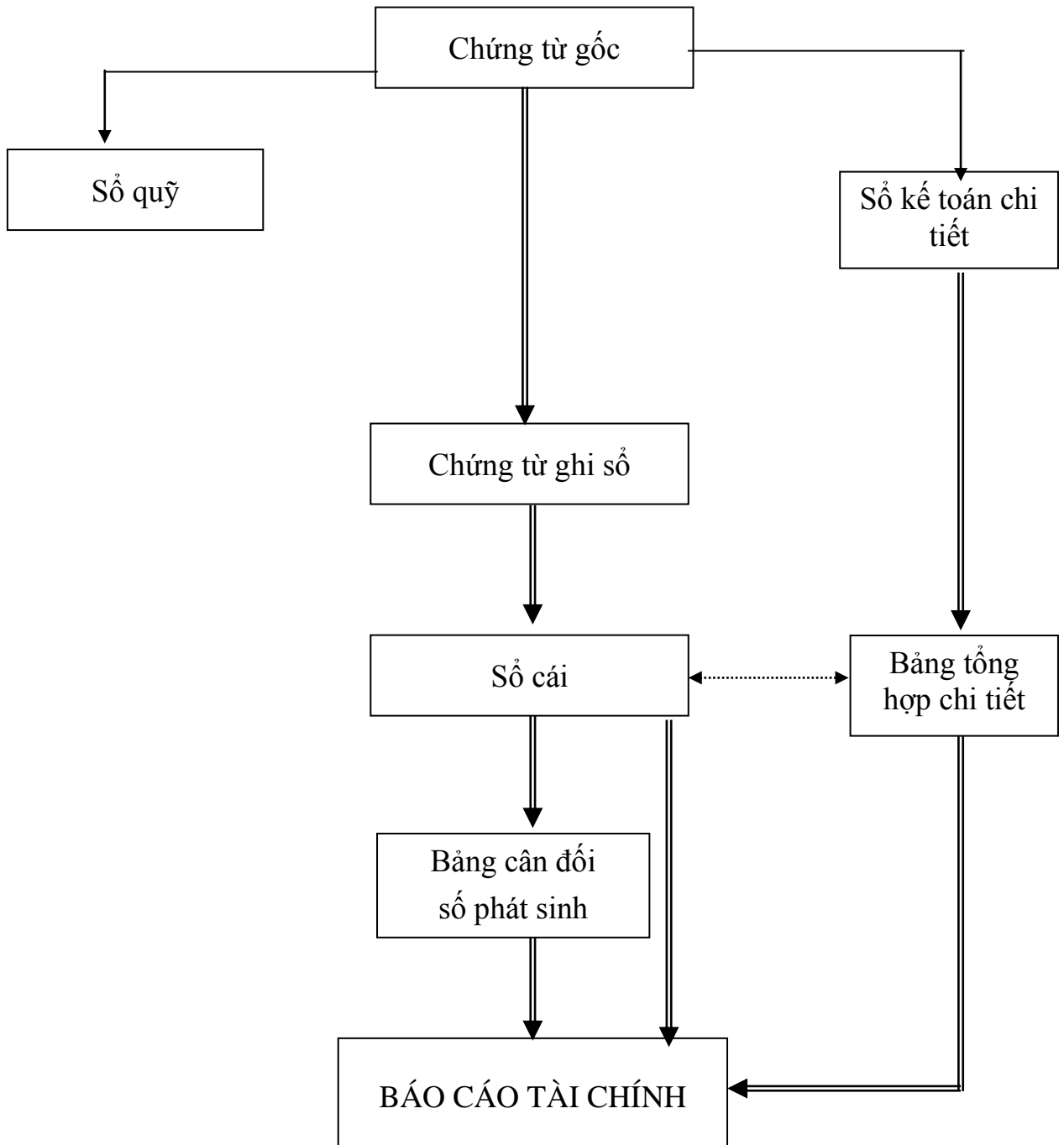
- Sổ cái : Là sổ phân loại dùng để hạch toán tổng hợp. Mỗi tài khoản được phản ánh trên trang sổ cái. Căn cứ duy nhất để ghi vào sổ cái là các chứng từ ghi sổ.

- Bảng cân đối số phát sinh : Dùng để phản ánh tình hình đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và tình hình cuối kỳ của các loại tài khoản đã sử dụng nhằm mục đích kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép cũng như cung cấp các thông tin cần thiết cho quản lý.

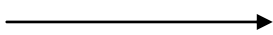
Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ 01/ 01 đến hết ngày 31/12 năm Dương lịch. Đơn vị tiền tệ sử dụng là VNĐ. Kiểm kê hàng tồn kho theo

phương pháp kê khai thường xuyên. Công ty áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

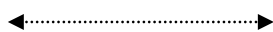
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



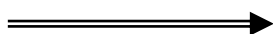
Ghi chú :



Ghi hàng ngày



Đối chiếu, kiểm tra



Ghi cuối tháng

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để đăng ký vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tính ra tổng số phát sinh nợ tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối tài khoản.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính

Quan hệ đối chiếu kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối tài khoản phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối tài khoản phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối tài khoản phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp tương ứng.

2.2. Tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng

2.2.1. Chứng từ

Để hạch toán hàng tồn kho trong công ty, kế toán đã sử dụng các chứng từ được ban hành theo Quyết định số: 15 /2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC.

Phiếu nhập kho	(Mẫu 01-VT)
Phiếu xuất kho	(Mẫu 02- VT)
Thẻ kho	(Mẫu S12- DN)
Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hoá	(Mẫu 03- VT)

Với mục đích chung là theo dõi tình hình nhập, xuất tồn kho hàng hóa phục vụ cho công tác quản lý, các chứng từ trên được sử dụng với mục đích cụ thể như sau:

- Phiếu nhập kho: dùng để xác nhận số lượng hàng hóa nhập kho làm căn cứ ghi thẻ kho, thanh toán tiền hàng, xác định trách nhiệm với người có liên quan và ghi sổ kế toán.

- Phiếu xuất kho: dùng để theo dõi chặt chẽ số lượng hàng hóa xuất kho, làm căn cứ để hạch toán chi phí, tính giá thành hàng hóa xuất kho.

- Thẻ kho: dùng để theo dõi lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng hóa ở các kho. Làm căn cứ xác định tồn kho dự trữ hàng hóa và xác định trách nhiệm về hàng hóa của thủ kho.

2.2.2. Tài Khoản

-Tài khoản sử dụng:

+ Kế toán sử dụng TK 156- hàng hoá

+ TK 133 : Thuế giá trị gia tăng đầu vào

+ Các tài khoản khác liên quan

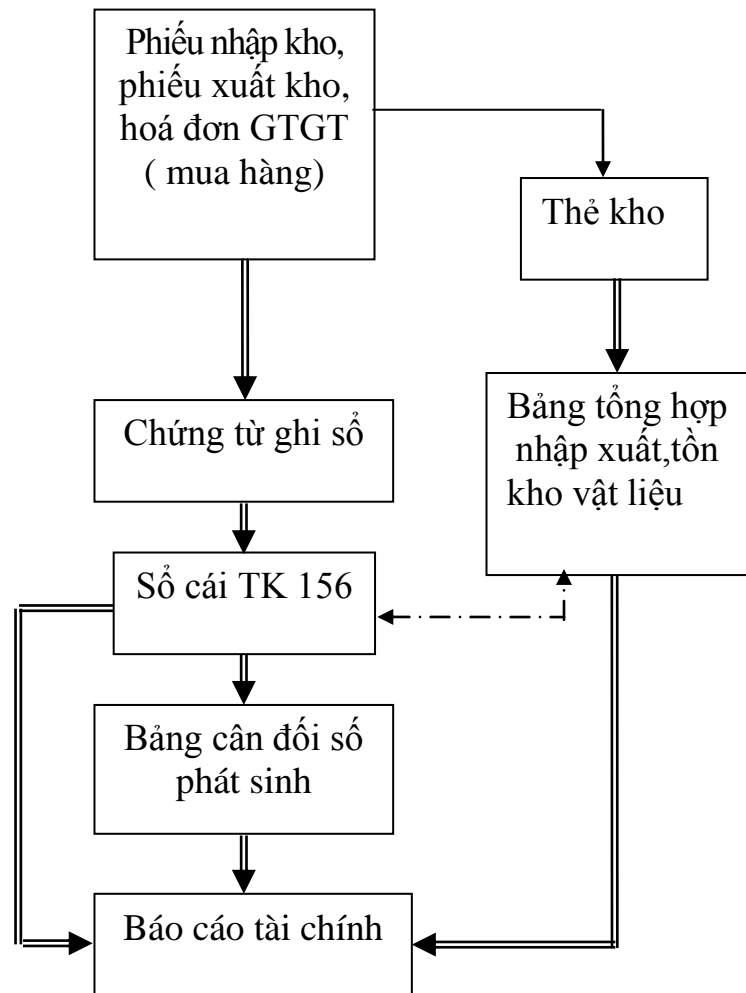
2.2.3. Sổ sách :

+ Sổ cái TK 156

2.2.4.Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán hàng hoá là phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 2.4: Quá trình hạch toán hàng hóa có thể khái quát theo sơ đồ sau

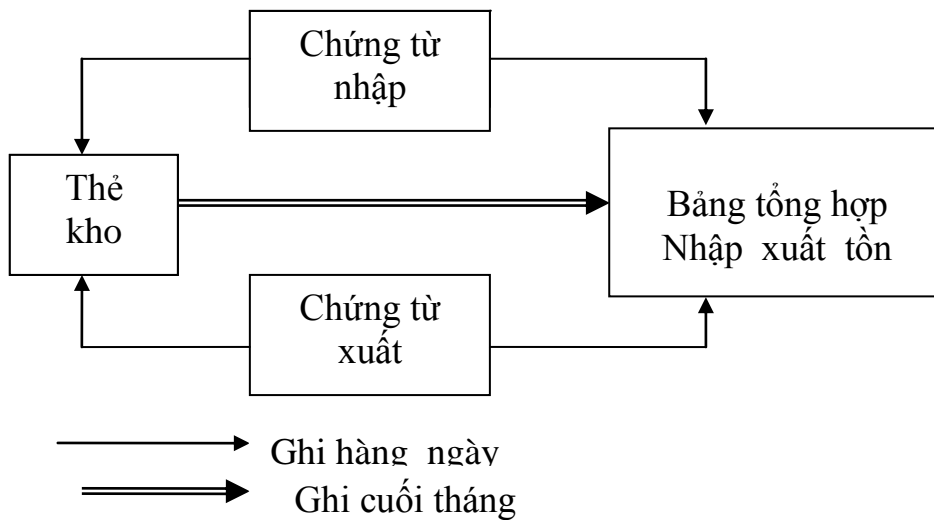


* Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối tháng: \Longrightarrow Đối chiếu, kiểm tra $\longleftarrow \cdots \longrightarrow$

Từ các chứng từ gốc kế toán ghi hàng ngày vào thẻ kho, ghi cuối tháng vào chứng từ ghi sổ và bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn. Từ chứng từ ghi sổ và bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kế toán làm căn cứ để cuối tháng vào các sổ kế toán có liên quan.

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Phương pháp thẻ song song đơn giản để thực hiện và tiện lợi khi được xử lý bằng máy tính. Hiện nay, phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

2.2.5 : Phương pháp tính giá

2.2.5.1 Tính giá thực tế hàng hóa nhập kho

Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua thực tế là giá chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua hàng hóa và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản được khấu trừ và hạch toán vào TK 133 “ thuế GTGT được khấu trừ “

Ví dụ 1: Theo HĐ GTGT số 0066572 ngày 19-10 -2009 công ty TNHH Hùng Thắng mua 16.956 kg thép tấm 8 ly x1500 x6000 của công ty CPĐT & PT KK Hải Phòng trị giá 139.685.223 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 5 % . Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua hàng . Vậy trị giá thực tế nhập kho của hàng hóa này là 139.685.223 đồng

Biểu số 2.2

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				DX/2009B	
Ngày 19 tháng 10 năm 2009				0066572	
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	16.956	8238,1	139.685.223
Cộng tiền hàng					139.685.223
Thuế suất GTGT: 5 %		Tiền thuế GTTG			6.984.261
Tổng cộng tiền thanh toán :					146.669.484
Số tiền viết bằng chữ : một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu chín nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 2: : Theo HĐ GTGT số 0066546 ngày 26-10 -2009 công ty TNHH Hùng Thắng mua 19.781,8 kg thép tấm 8 ly x1500 x6000 của công ty CPĐT & PT KK Hải Phòng trị giá 146.950.486 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 5 % . Hàng được giao tận kho của công ty , chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua hàng . Vậy trị giá thực tế nhập kho của hàng hóa này là 146.950.486 đồng

Biểu số 2.3

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				DX/2009B	
Ngày 26 tháng 10 năm 2009				0066546	
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Du- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : CK..... MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	19.781,8	7428,57	146.950.486
Cộng tiền hàng					146.950.486
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		7.347.524
Tổng cộng tiền thanh toán :					154.298.010
Số tiền viết bằng chữ : (một trăm năm mươi tư triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn , không trăm mười đồng)					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5.2 : Tính giá thực tế hàng hóa xuất kho

Tại công ty TNHH Hùng Thắng kế toán dùng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (theo tháng) để phản ánh trị giá thực tế xuất kho của hàng hóa.

Trị giá mua của hàng XK= SL hàng hoá XK x giá mua đơn vị bình quân

Trong đó : giá bình quân hàng hoá XK được tính như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế bình} \\ \text{quân gia quyền} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tri giá thực tế của} \\ \text{hàng tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tri giá mua thực tế của} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\text{SL hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Ví dụ 3: ngày 17-10 -2009 xuất kho 11092 kg thép tấm 8 ly x1500 x6000 cho công ty TNHH Vũ Việt Hưng.

-Tồn đầu kỳ : số lượng 146.497,5 kg ; trị giá tồn đầu kỳ 1.129.437.353 đồng

- Nhập trong kỳ :

+ Ngày 19/10/09: số lượng 16.956 kg; trị giá 139.685.223 đồng

+ Ngày 26/10/09 : số lượng 19.781,8 kg; trị giá 146.950.486 đồng

Vậy đơn giá xuất kho của 1 kg thép tấm 8 ly x1500 x6000 trong tháng 10 là:

$$\frac{1.129.437.353 + 139.685.223 + 146.950.486}{146.497,5 + 16.956 + 19.781,8} = 7728,17 \text{ đồng/kg}$$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và được áp dụng cho tất cả các lần xuất trong tháng .

Vậy trị giá thực tế xuất kho của 11.092 kg thép tấm 8 ly x1500x6000 là:

$$7728,17 \times 11.092 \text{ kg} = 85.720.861 \text{ đồng}$$

Ví dụ 4: Theo HĐ GTGT số 0062070 ngày 13-10 -2009 công ty TNHH Hùng Thắng mua 2.582 kg thép hình L 100x 100 x10 của công ty TNHH TM &XD Thiên Phú trị giá 18.404.472 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 5 % . Hàng được giao tận kho của công ty , chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua hàng . Vậy trị giá thực tế nhập kho của hàng hóa này là 18.404.472 đồng

Biểu số 2.4

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				HG/2009B	
Ngày 13 tháng 10 năm 2009				0062070	
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH TM&XD Thiên Phú					
Địa chỉ : Số 31 đường Hà Nội- Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200567928					
Họ tên người mua hàng :Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép hình L 100 x100 x10	kg	2.582	7127,9	18.404.238
Cộng tiền hàng					18.404.238
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		920.212
Tổng cộng tiền thanh toán :					19.324.450
Số tiền viết bằng chữ :Mười chín triệu , ba trăm hai mươi tư nghìn, bốn trăm năm mươi đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 5: ngày 18-10 -2009 xuất kho 320 kg thép hình L 100 x100 x10 cho xí nghiệp dịch vụ sửa chữa thủy

-Tồn đầu kỳ : số lượng 8.385,87 kg ; trị giá tồn đầu kỳ 75.106.790 đồng

- Nhập trong kỳ :

+ Ngày 13/10/09: số lượng 2.582 kg; trị giá 18.404.238 đồng

Vậy đơn giá xuất kho của 1 kg thép hình L 100x 100 x10 trong tháng 10 là:

$$\frac{75.106.790 + 18.404.238}{8.385,87 + 2.582}$$

$$= 8526 \text{ đồng /kg}$$

$$= 8526 \text{ đồng /kg}$$

Đơn giá này được tính vào cuối tháng và được áp dụng cho tất cả các lần xuất trong tháng .

Vậy trị giá thực tế xuất kho của 320kg thép hình L 100 x100 x10 là:

$$8526 \times 320 \text{ kg} = 2.728.320 \text{ đồng}$$

2.2.6 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng

2.2.6.1 Thủ tục nhập kho hàng hóa

Người đi nhận hàng mang hóa đơn GTGT của bên bán hàng hóa về công ty để xem xét kiểm tra.

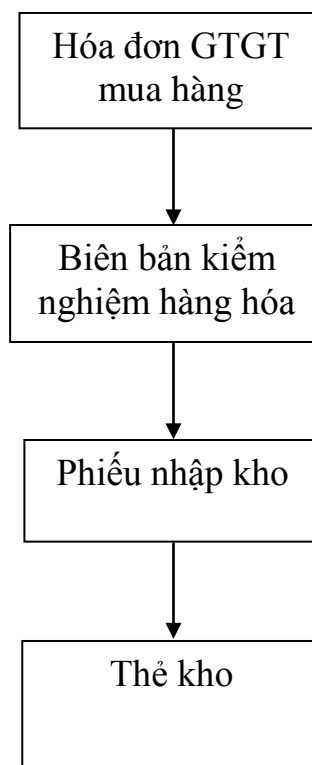
Hàng hóa sau khi mua về được tiến hành kiểm tra chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm hàng hóa được lập thành 2 bản giao cho phòng cung tiêu và phòng kế toán giữ . Nếu hàng hóa không đúng yêu cầu thì lập thêm 1 liên kèm theo chứng từ có liên quan gửi cho nơi bán để giải quyết.

Sau khi tiến hành kiểm nghiệm hàng hóa thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của hàng hóa ghi trên hóa đơn với số mang về, đối chiếu giữa hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm. Nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên :

- Một liên: lưu tại phòng vật tư
- Một liên: chuyển sang phòng kế toán
- Một liên: giao cho thủ kho

Khi nhập kho , thủ kho phải ký vào phiếu nhập để vào thẻ kho . Trên phiếu nhập kho thể hiện cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị nhưng khi vào thẻ kho thủ kho chỉ ghi chỉ tiêu số lượng

Sơ đồ 2.6



Biểu số 2.5

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				DX/2009B	
Ngày 19 tháng 10 năm 2009				0066572	
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : CK MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	16.956	8238,1	139.685.223
Cộng tiền hàng					139.685.223
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		6.984.261
Tổng cộng tiền thanh toán :					146.669.484
Số tiền viết bằng chữ : một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu chín nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6

Công ty TNHH Hùng Thắng

Bộ phận:

Mẫu số: 03 – VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Hải Phòng ngày 19 tháng 10 năm 2009

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM HÀNG HOÁ

Số 279

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0066572 của công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng

- Ban kiểm kê gồm:

+ Ông: Phạm Văn Cường Chức vụ: Phó giám đốc làm trưởng ban

+ Bà: Nguyễn Thị Thủy Chức vụ: Kế toán trưởng làm uỷ viên

+ Ông: Nguyễn Văn Thắng Chức vụ: Thủ kho làm uỷ viên.

- chúng tôi cùng nhau kiểm nghiệm thực tế hàng hóa mua ngoài như sau:

STT	Tên quy cách vật tư	Mã số	PP kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
1	Thép tấm 8 ly x 1500 x6000			kg	16.956	16.956		

Kết quả nghiệm thu : đều đúng quy cách phẩm chất

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Biểu số 2.7

Đơn vị:.....
Bộ phận:
Mã đơn vị:

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 19 tháng 10 năm
2009
Số: 299

Mẫu số 01- VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Nợ: TK 156
Có: TK 331

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Đức Trung

Địa chỉ: Công ty CPDDT &PT KK Hải Phòng

Nhập tại kho: 52- Sở Dầu

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Thép tấm 8 ly x1500 x6000		Kg	16.956	16.956	8238,1	139.685.223

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Một trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm tám lăm nghìn, hai trăm hai ba đồng)

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 19 tháng 10 năm 2009

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0066546 ngày 26-10-2009

Biểu số 2.8

Hoá đơn					
Giá trị gia tăng				Mẫu số 01 GTKT-3LL DX/2009B 0066546	
Liên 2 : Giao khách hàng					
Ngày 26 tháng 10 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : CK..... MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	19.781,8	7428,57	146.950.486
Cộng tiền hàng					146.950.486
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		7.347.524
Tổng cộng tiền thanh toán :					154.298.010
Số tiền viết bằng chữ : (một trăm năm mươi tư triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn , không trăm mười đồng)					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9

Công ty TNHH Hùng Thắng

Bộ phận:

Mẫu số: 03 – VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Hải Phòng ngày 26 tháng 10 năm 2009

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM HÀNG HOÁ

Số 282

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0066546 của công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng

- Ban kiểm kê gồm:

+ Ông: Phạm Văn Cương Chức vụ: Phó giám đốc làm trưởng ban

+ Bà: Nguyễn Thị Thủy Chức vụ: Kế toán trưởng làm uỷ viên

+ Ông: Nguyễn Văn Thắng Chức vụ: Thủ kho làm uỷ viên.

- chúng tôi cùng nhau kiểm nghiệm thực tế hàng hóa mua ngoài như sau:

STT	Tên quy cách vật tư	Mã số	PP kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
1	Thép tấm 8 ly x 1500 x6000			kg	19.781,8	19.781,8		

Kết quả nghiệm thu : đều đúng quy cách phẩm chất

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Biểu số 2.10

Đơn vị:.....
Bộ phận:
Mã đơn vị:

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 26 tháng 10 năm
2009
Số: 301

Mẫu số 01- VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Nợ: TK 156
Có: TK 331

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Đức Trung

Địa chỉ: Công ty CPDDT &PT KK Hải Phòng

Nhập tại kho: 52- Sờ Dầu

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Thép tấm 8 ly x 1500 x6000		Kg	19.781,8	19.781,8	7.428,57	146.950.486

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Một trăm bốn mươi sáu triệu , chín trăm năm mươi nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng)

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 26 tháng 10 năm 2009

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

2.2.6.2 Thủ tục xuất kho hàng hóa

****Trình tự xuất kho:***

Hàng hóa tại Công ty chủ yếu xuất bán. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

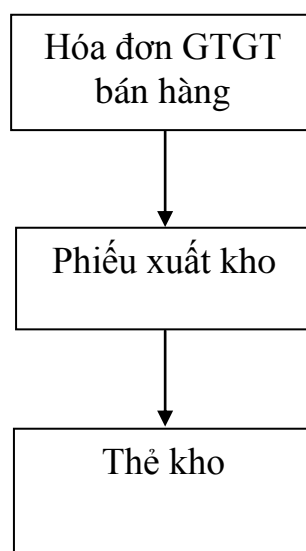
Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của hàng hóa xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại hàng hóa.

Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của hàng hóa xuất kho để điền vào phiếu.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại kho.
- Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

Sơ đồ 2.7



Biểu số 2.11

Đơn vị:.....
Bộ phận:
Mã đơn vị:

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 17 tháng 10 năm
2009
Số: 268

Mẫu số 02 - VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Nợ: TK 632
Có: TK 156

Họ tên người nhận hàng: Anh Khánh Địa chỉ: Công ty TNHH Vũ Việt Hưng

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: 52- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép tấm 8 ly x1500 x 6000		kg	11.092	11.092	7904,76	87.679.598

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (tám mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn , năm trăm chín tám đồng)

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 17 tháng 10 năm 2009

Người lập Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng
Đơn vị

Biểu số 2.12

Đơn vị:.....
Bộ phận:
Mã đơn vị:

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 18 tháng 10 năm
2009
Số: 269

Mẫu số 02 - VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Nợ: TK 632
Có: TK 156

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ: Xí nghiệp dịch vụ sửa chữa thủy

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: 52- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hình L 100 x100 x10		kg	320	320	8526	2.728.320

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): (Hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng)

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 18 tháng 10 năm 2009

Người lập Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng
Đơn vị

2.2.7 Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng

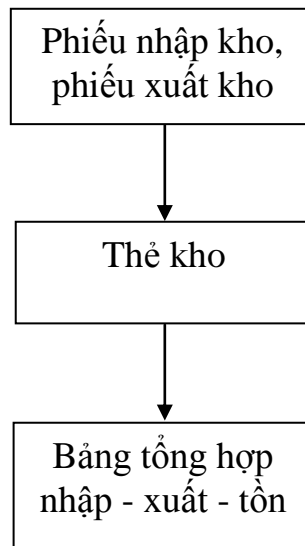
Sổ sách sử dụng trong kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng là thẻ kho.

Căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho, thủ kho ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho .

- Tại kho : Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại vật tư hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng . Sau khi nhận và kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ nhập- xuất, thủ kho ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày tính toán số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi chứng từ nhập, xuất kho cho phòng kế toán .

- Tại phòng kế toán : kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào chứng từ này để ghi vào sổ kế toán .

Sơ đồ 2.8



Biểu số 2.13

SỐ 57 LÊ THÁNH TÔNG, HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

TỪ NGÀY 01/10/2009 ĐẾN NGÀY 31/10/2009

TÊN VẬT LIỆU : THÉP TẮM 8 ly

ĐƠN VỊ TÍNH : KG

Ngày	SỐ PN	SỐ PX	Diễn giải	SI Nhập	SI xuất	Tồn kho
			Tồn đầu kỳ			146.497,50
19/10	299		Công ty CPĐT & PT Kim khí HP	16.956		163.453,5
26/10	301		Công ty CPĐT & PT Kim khí HP	19.781,8		183.235,3
13/10		265	Công ty TNHH vật tư TB Bình minh		1.413	181.822,3
16/10		267	CN3- Công ty CPĐT & PT Kim khí HP		19.782	162.040,3
17/10		268	Công ty TNHH Vũ Việt Hưng		11.092	150.948,3
19/10		270	DNTN Châu Dung		8.478	142.470,3
20/10		271	Công ty TNHH Trung Thịnh		47.194,2	95.276,1
21/10		272	Công ty TNHH Hà Bình		40.835,7	54.440,4
			Cộng tháng 10	36.737,8	128.794,9	54.440,4

Biểu số 2.14

SỐ 57 LÊ THÁNH TÔNG, HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

TỪ NGÀY 01/10/2009 ĐẾN NGÀY 31/10/2009

TÊN VẬT LIỆU : Thép hình L

ĐƠN VỊ TÍNH : KG

Ngày	SỐ PN	SỐ PX	Diễn giải	SI Nhập	SI xuất	Tồn kho
			Tồn đầu kỳ			8385,87
13-10	289		Công ty TNHH TM & XD Thiên Phú	2.582		10.967,87
18-10		269	Xí nghiệp dịch vụ sửa chữa thủy		320	10.647,87
			Cộng tháng 10	2.582	320	10.647,87

Từ các phiếu nhập kho và xuất kho, hàng ngày kế toán tập hợp vào thẻ kho rồi từ thẻ kho cuối tháng kế toán tập hợp vào bảng tổng hợp nhập- xuất – tồn

Biểu số 2.15

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN
Tháng 10/2009

ST T	Tên hàng	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
1	Thép lá	5839,52	43.134.954			999	7.308.005	4840,52	35.826.950
2	Thép lá mạ	2.906,35	35.440.052	7.230	58.527.084			10.136,35	93.966.902
3	Thép tấm 8 ly	146.497,50	1.129.437.353	36.737,8	286.635.709	128.794,90	995.373.844	54.440,40	420.699.218
4	Thép lá	2.699,50	16.896.316					2.699,50	16.896.316
5	ống hộp CL	430,94	4.591.760					430,94	4.591.760
6	Thép tròn	253,10	1.934.866					253,10	1.934.866
7	Thép hình 1	1.973,40	20.309.629					1.973,40	20.309.629
8	Thép hình L	8.385,87	75.106.790	2.582	18.404.238	320	2.728.320	10.647,87	90.782.941
9	Thép hình	8.014,00	33.615.194					8.014,00	33.615.194
10	Thép chế tạo	1.075,00	12.971.738					1.075,00	12.971.738
11	Thép ống hộp	5.733,00	46.557.693					5.733,00	46.557.693
12	Thép ống áp lực	5,00	75.229					5,00	75.229
13	Thép ống mạ	218,35	2.478.273					218,35	2.478.273
14	Thép tấm loại 2	8.315,00	56.542.000					8.315,00	56.542.000
	Cộng		1.479.091.847		363.567.031		1.005.410.169		837.248.709

Hải Phòng ngày 06 tháng 11 năm 2009

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.8. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng

2.2.8.1. Phương pháp kế toán sử dụng

Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên : kế toán phải ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản kế toán sử dụng.

Việc xác định giá vốn thực tế của hàng hóa được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

2.2.8.2. Tài khoản kế toán sử dụng :

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động hàng hóa, kế toán sử dụng TK156 và các tài khoản có liên quan : TK 133, TK 331.....

2.2.8.3. Trình tự hạch toán của kế toán tổng hợp hàng hóa

Hàng hóa của công ty được nhập chủ yếu từ mua ngoài. Kế toán tổng hợp hàng hóa ngoài việc phản ánh giá mua thực tế còn phải phản ánh chi phí mua thực tế hàng hóa để phản ánh chính xác, đầy đủ giá mua thực tế của hàng hóa. Tuy nhiên, tại công ty TNHH Hùng Thắng hàng hóa mua về thường được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua hàng.

Công ty sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt. Bên cạnh đó công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những khách hàng quen để giúp việc luân chuyển tiền được dễ dàng .

2.2.8.4. Hạch toán tổng hợp quá trình mua hàng hóa

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa phát sinh trong tháng, cuối tháng kế toán tập hợp vào một chứng từ ghi sổ số 06/10. Từ chứng từ ghi sổ cuối tháng kế toán vào sổ cái TK 156

Biểu số 2.5

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				DX/2009B	
Ngày 19 tháng 10 năm 2009				0066572	
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : CK MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	16.956	8238,1	139.685.223
Cộng tiền hàng					139.685.223
Thuế suất GTGT: 5 %		Tiền thuế GTTG			6.984.261
Tổng cộng tiền thanh toán :					146.669.484
Số tiền viết bằng chữ : một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu chín nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 2 : Giao khách hàng				DX/2009B	
Ngày 26 tháng 10 năm 2009				0066546	
Đơn vị bán hàng : Công ty CPĐT & PT Kim Khí Hải Phòng					
Địa chỉ : Số 32 – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200672993					
Họ tên người mua hàng : Anh Quang					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ: 57- Lê Thánh Tông- Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : CK..... MST: 0200575862					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	kg	19.781,8	7428,57	146.950.486
Cộng tiền hàng					146.950.486
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		7.347.524
Tổng cộng tiền thanh toán :					154.298.010
Số tiền viết bằng chữ : (một trăm năm mươi tư triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn , không trăm mười đồng)					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16

Đơn vị : Cty TNHH Hùng Thắng

Chứng từ ghi sổ

Số : 06/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Căn cứ vào HĐ GTGT số 66572	156	331	139.685.223	
	133	331	6.984.261	
Căn cứ vào HĐ GTGT số 66546	156	331	146.950.486	
	133	331	7.347.524	
.....	
Cộng			381.745.382	

Kèm theochứng từ gốc

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.8.5 : Hạch toán tổng hợp quá trình bán hàng hóa

Căn cứ vào các phiếu xuất kho, cuối tháng kế toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ số 07/10. Từ chứng từ ghi sổ, cuối tháng kế toán vào sổ cái TK 156

Biểu số 2.17

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 3 : Nội bộ				HG/2009B	
Ngày 17 tháng 10 năm 2009				0035667	
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ : Số 57 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200575862					
Họ tên người mua hàng : Anh khánh					
Tên đơn vị : Công ty TNHH Vũ Việt Hưng					
Địa chỉ: Hồng Lạc- Thanh Hà- Hải Dương					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MST: 0800127301					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép tấm 8 lyx1500 x 6000	kg	11.092	7904,76	87.679.598
Cộng tiền hàng					87.679.598
Thuế suất GTGT: 5 %			Tiền thuế GTTG		4.383.980
Tổng cộng tiền thanh toán :					92.063.578
Số tiền viết bằng chữ : chín mươi hai triệu, không trăm sáu ba nghìn, năm trăm bảy tám đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18

Hoá đơn				Mẫu số 01	
Giá trị gia tăng				GTKT-3LL	
Liên 3 : Nội bộ				HG/2009B	
Ngày 18 tháng 10 năm 2009				0035668	
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Hùng Thắng					
Địa chỉ : Số 57 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại MST: 0200575862					
Họ tên người mua hàng : chị Hương					
Tên đơn vị : Xí nghiệp dịch vụ sửa chữa thủy					
Địa chỉ: Số 18- Ngô Quyền- Máy chai- Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : TM MST: 0200105514					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thép hình L 100x 100 x10	kg	320	8526	2.728.320
Cộng tiền hàng					2.728.320
Thuế suất GTGT: 5 %		Tiền thuế GTTG		136.416	
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.864.736
Số tiền viết bằng chữ : hai triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19

Đơn vị : Cty TNHH Hùng Thắng

Chứng từ ghi sổ

Số : 07/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

ĐVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Căn cứ vào phiếu xuất số 268	632	156	87.679.598	
Căn cứ vào phiếu xuất số 269	632	156	2.728.320	
.....	
Cộng			1.005.410.169	

Kèm theochứng từ gốc

Người lập
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Biểu số 2.20

Sổ cái TK 156

Năm 2009 Trang:

Tên tài khoản : Hàng hoá (Trích sổ cái TK156 tháng 10 năm 2009)

Số hiệu: TK 156

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý		1.479.091.847	
31/10	06/10	31/10	Hàng hoá mua trong kỳ HĐ GTGT số 66572	331	139.685.223	
			HĐ GTGT số 66546	331	146.950.486	
		
31/10	07/10	31/10	Xuất kho hàng hoá trong kỳ	632		1.005.410.169
			.			
			Cộng phát sinh		363.567.031	1.005.410.169
			Dư cuối tháng 10		837.248.709	

Biểu số 2.21

SỔ CÁI TK 133
(Trích sổ cái TK 133 tháng 10 năm 2009)

ĐVT: đồng

Số TT	Ngày Tháng	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu		39.267.878	
	31/10	01/10	31/10	Thuế GTGT đầu vào	111	72.219	
	31/10	06/10	3110	Thuế GTGT đầu vào	331	18.178.351	
	31/10	15/10	31/10	K/c thuế GTGT đầu ra	333		51.884.658
				Cộng		18.250.570	51.884.658
				Số dư cuối		5.633.790	

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.22

SỔ CÁI TK 331- Phải trả người bán
(Trích sổ cái TK 331 tháng 10 năm 2009)

ĐVT: đồng

Số TT	Ngày Tháng	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh	
		Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
				Số dư đầu			2.740.980.378
	31/10	01/10	31/10	Trả người bán bằng TM	111	186.745.382	
	31/10	03/10	31/10	Trả người bán bằng TGNH	112	1.000.000.000	
	31/10	10/10	31/10	Đổi trừ tiền hàng	131	155.288.689	
	31/10	06/10	31/10	Hàng hóa mua trong kỳ	156		363.567.031
				Thuế GTGT đầu vào	133		18.178.351
				Cộng phát sinh		1.342.034.071	381.745.382
				Số dư cuối			1.780.691.695

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.23

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Thuế	Các khoản giảm trừ Các khoản khác (521, 531, 532)
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
		Tháng 10/ 2008						
0035664	13/10	CT TNHH thiết bị Bình Minh	131	1.413		10.900.277	545.013	
0035665	14/10	CT TNHH KK minh Đạt	131	999		7.754.142	387.707	
0035666	16/10	CT CPĐT và PT KK HP	131	19.782		147.893.990	7.394.699	
0035667	17/10	CT TNHH Vũ Việt Hưng	131	11.092		87.679.598	4.383.980	
0035668	18/10	Xí nghiệp DV sửa chữa thủy	131	320		2.728.320	136.416	
0035669	19/10	DN tư nhân Châu Dung	131	8.478		66.209.110.	3.310.455	
		
		
		Cộng PS tháng 10				1.037.693.239	51.884.658	

Biểu số 2.24

Đơn vị : Cty TNHH Hùng Thắng

Chứng từ ghi sổ

Số : 11/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ:				
- Doanh thu bán hàng	131	511	1.037.693.239	
- Thuế GTGT đầu ra tương ứng	131	3331	51.884.658	
Cộng			1.089.577.897	

Kèm theo08.....chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25

Công ty TNHH Hùng Thắng

57 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền - HP

Sổ cái TK 511

Năm 2009

Trang:

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng

Số hiệu: TK511

DVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ	..		
.....
31/10	11/10	31/10	Doanh thu bán hàng	131		1.037.693.239
31/10	12/10	31/10	Kết chuyển doanh thu	911	1.037.693.239	
			Cộng PS tháng 10		1.037.693.239	1.037.693.239
			Luỹ kế PS đến 31/10		25.882.374.125	25.882.374.125

Ngày 31..tháng 10.năm 2009

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký. Họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH
HÙNG THẮNG

3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty:

Qua 6 năm thành lập, Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng.

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Thắng, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức quản lý hành chính của công ty TNHH Hùng Thắng gọn nhẹ, hợp lý, các phòng ban được quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể phân chia công việc rõ ràng.

- Bộ máy kế toán được bố trí khoa học phù hợp với yêu cầu của công ty và chuyên môn của mỗi người.

- Phòng kế toán của công ty được trang bị hệ thống máy vi tính tương đối hiện đại.

Bên cạnh đó, việc tổ chức hạch toán kế toán đã đáp ứng được những yêu cầu của công ty đề ra, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa các bộ phận.

- Sổ sách kế toán được lập một cách có hệ thống, phản ánh một cách trung thực hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

- Công ty áp dụng bộ sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ và phương pháp kê khai thường xuyên.

- Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với nhu cầu kinh tế và tính pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra đối chiếu khi cần thiết. Quy trình luân chuyển chứng từ theo đúng quy định của nhà nước và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hệ thống TK sử dụng trong hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty áp dụng kế toán hàng hóa, hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty. Mặt khác, kế toán hàng hóa, hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình nhập- xuất- tồn giúp cho công ty quản lý hàng hóa dễ dàng hơn, chính xác hơn và có kế hoạch cung cấp hàng hóa hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn đồng thời cũng không ứ đọng hàng hóa trong kho.

Quy trình hạch toán các nghiệp vụ: các nghiệp vụ phát sinh trong công ty tương đối đơn giản, phổ biến do vậy quy trình hạch toán các nghiệp vụ phù hợp với những quy định của chế độ kế toán vừa và nhỏ.

3.1.1 Ưu điểm :

Hoạt động trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường lãnh đạo công ty đã đưa ra nhiều biện pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của nền kinh tế thị trường. Nhận thức đúng đắn quy luật kinh tế thị trường từ đó vận dụng sáng tạo áp dụng vào thực tế, cho nên trong công tác quản lý doanh nghiệp vai trò của kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng rất được quan tâm.

Trong công tác quản lý và hạch toán kinh tế của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố, hoàn thiện thực sự trở thành công cụ đắc lực trong công tác quản lý và hạch toán của công ty. Công ty đã xây dựng, đào tạo bộ máy cán bộ quản lý, lựa chọn cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao.

Hiện nay trong điều kiện đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của hạch toán kế toán hàng hóa công ty đã xây dựng được một mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, đó là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, thực hiện tái sản xuất mở rộng và cải thiện đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên toàn công ty. Đồng thời là điều kiện để công ty thực hiện nghĩa vụ của mình với nhà nước và các ngành có liên quan.

Bộ máy của công ty cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán, phản ánh, giám sát được tình hình sử dụng xử lý và cung cấp các thông tin về các quá trình kế toán diễn ra tại công ty.

Việc mở sổ kế toán và ghi chép cung cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin đầy đủ, kịp thời chính xác cho các nhà quản lý, đồng thời có thể giảm bớt những công việc trùng lặp giữa các bộ phận có liên quan. Với sự cố gắng của mình, kế toán về hàng hóa luôn học hỏi và hoàn thành tốt công việc được giao.

3.1.2 Những tồn tại :

Trong nền kinh tế thị trường, tất cả các doanh nghiệp đều trải qua khó khăn, đó là sự khẳng định chính bản thân mình trên thương trường. Bên cạnh những ưu điểm của tổ chức công tác kế toán hàng hóa công ty còn một số tồn tại cần cải tiến và hoàn thiện hơn nữa nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý của mình .

- Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán Hơn nữa nhu cầu quản lý của nhà nước về tài chính kế toán, ngân hàng, thị trường chứng khoán cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của doanh nghiệp đòi hỏi phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã có phần mềm nhưng chưa áp dụng vào do đó chỉ sử dụng máy vi tính vào khai thác lập biểu và soạn thảo văn bản.

- Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ nhưng không lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, điều này gây khó khăn cho việc kiểm tra đối chiếu với sổ liệu trên sổ cái.

- Công ty còn hạn chế việc mở sổ theo dõi chi tiết như TK 156, TK 133, ...

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến dòng tiền vào, ra của công ty nhưng kế toán không lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ để theo dõi .

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Hùng Thắng

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán hàng hóa tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau :

- Nguyên tắc nhất quán : nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán hàng hóa thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc : quy định hàng hóa phải được tính theo giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng : nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán hàng hóa cần cẩn trọng trong từng bước.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện manh tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yêu cầu sau :

- Hoàn thiện kế toán hàng hóa phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.

- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt Nam .

- Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty.

- Phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.2.3 Nội dung hoàn thiện

Cùng với sự phát triển của xã hội và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, kế toán cũng có sự thay đổi phát triển không ngừng về nội dung, phương pháp. Công ty TNHH Hùng Thắng là một doanh nghiệp mới thành lập, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại. Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Hùng Thắng, em xin được đưa ra một số ý kiến nhằm củng cố hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty như sau :

Ý kiến 1 : tin học hóa - ứng dụng phần mềm kế toán

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán lâu nay của nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó công ty TNHH Hùng Thắng là một công ty kinh doanh thương mại, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng phần mềm Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác làm cho chúng không được đưa ra một cách kịp thời. Do vậy, cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán .

Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau : MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN.....

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty đem lại những hiệu quả cao trong công việc như :

- Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán .
- Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty .
- Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời có độ chính xác cao.
- Tạo điều kiện cho công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của nhà nước.

- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách, chứng từ nhanh chóng đạt hiệu quả cao.

- Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Ý kiến 2 : Bổ sung sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Về trình tự ghi sổ kế toán thì kế toán công ty TNHH Hùng Thắng sử dụng hình thức ghi sổ là chứng từ ghi sổ nhưng trong thực tế kế toán công ty lại không sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay bởi vì :

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi theo thời gian phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng

Biểu số 3.1

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị

Mẫu số S02b -DN

Địa chỉ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm :

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có..... trang, đánh số từ 01 đến trang.....

Ngày mở sổ.....

Ngàytháng....năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

VD: Chứng từ ghi sổ số 06,07 kế toán ghi chép sang sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như sau:

Biểu số 3.2

Công ty TNHH Hùng Thắng

Mẫu số S02b-DN

(Ban hành theo quyết định
số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ

Tháng 10- 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
07/10	31/10	1.005.410.169			
06/10	31/10	381.745.382			
.....			
- Cộng tháng		1.845.678.779	- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu tháng		2.015.546.798	- Cộng lũy kế từ đầu tháng		

Ngày 31 .tháng 10 .năm 2009.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến 3: Hoàn thiện công tác kế toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác, Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

- Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

- Phương pháp lập dự phòng:

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho)} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán hàng hóa sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường. Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Biểu số 3.3

Đơn vị:

Địa chỉ:

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm....

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
	Cộng						

Ví dụ : Cuối niên độ kế toán lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng thép tấm 8 ly x1500 x6000

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm....2009

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
1	Thép tấm 8 ly x1500 x6000	14.709,4 kg	7752,56	114.035.506	7.500	110.320.500	3.715.006

	Cộng						

Ý kiến 4 : Công ty nên lập sổ chi tiết hàng hóa của từng loại hàng để thuận tiện cho việc theo dõi , kiểm tra.

Công ty nên tăng cường công tác quản lý hàng hóa thông qua xây dựng sổ chi tiết hàng hóa . Việc mở sổ này rất quan trọng bởi nó là cơ sở để đối chiếu và theo dõi về mặt số lượng và giá trị của từng loại hàng hóa, giúp cho việc kiểm tra của kế toán cũng thuận tiện và dễ dàng hơn.

Công ty có thể áp dụng mẫu sổ chi tiết sau :

Biểu số 3.4

Tên đơn vị.....

Mẫu số S10 –DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Năm

Tài khoản:

Tên, quy cách :

Tên kho:.....

Mã số:

ĐVT:

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SĐĐK								
		Số PS								
		Nhập kho hàng hoá								
	
		Xuất bán								
	
		Cộng PS								
		SDCK								

Ví dụ: Biểu số 3.5

Tên đơn vị...: công ty TNHH Hùng Thắng.....

Mẫu số S10 –DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 10- 2009.

Tài khoản: ...156.....

Tên, quy cách : ...thép tấm 8 ly.....

Tên kho:...52- Sở Dầu- Hồng Bàng.....

Mã số:

DVT: ...kg.....

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SĐĐK		7709,6					146.497,50	1.129.437.353
		Số PS								
PN 299	19-10	Công ty CPĐT & PT KK	331	8238,1	16.956	139.685.223			163.453,5	1.269.122.576
PN 301	26-10	Công ty CPĐT & PT KK Hải Phòng	331	7428,57	19.781,8	146.950.486			183.235,3	1.416.073.062
	
PX268	17-10	Công ty TNHH Vũ Việt Hưng	112	7728,17			11.092	85.720.861
	
		Cộng PS			36.737,8	286.635.709	128.794,9	995.373.844		
		SĐCK							54.440,40	420.699.218

Ý kiến 5: hoàn thiện về công tác hạch toán hàng hóa ở công ty

Công ty nên mở thêm tài khoản 151 (theo dõi hàng mua đang đi đường) bên cạnh TK 156 (theo dõi hàng hóa) để theo dõi hàng hóa từ quá trình thu mua đến quá trình nhập kho .

Theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Mở TK 151 “ Hàng mua đang đi đường”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua ngoài đã được quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng còn đang trên đường vận chuyển , ở bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ nhập kho.

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau :

- Hàng hóa vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho bao gồm :

+ Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho người bán , ở bến bãi nhưng đang trên đường vận chuyển .

+ Hàng hóa vật tư đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho

- Kế toán hàng mua đang đi đường được ghi nhận trên TK 151 theo nguyên tắc giá gốc được quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành

- Hàng ngày, khi nhận được hóa đơn mua hàng nhưng hàng chưa về nhập kho , kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn trong tập hồ sơ riêng “ Hàng mua đang đi đường”

Trong tháng, nếu hàng về nhập kho , kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào TK 156 “ Hàng hóa”

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn mua hàng để ghi vào sổ TK 151 “ Hàng mua đang đi đường “

- Kế toán phải mở chi tiết để theo dõi hàng mua đang đi trên đường theo từng chủng loại hàng hóa , từng lô hàng .

Ý kiến 6: Phân định rõ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Do thông tin kế toán phục vụ cả trong và ngoài doanh nghiệp nên căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin, người ta phân định kế toán thành hai nhánh: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lý, điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị và nhánh kế toán cung cấp thông tin cho những đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này, Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng cụ thể vào Công ty TNHH Hùng Thắng để phân định rõ kế toán tài chính và kế toán quản trị về hàng hóa như sau:

**Đối với kế toán tài chính hàng hóa:*

- Kế toán tổng hợp và chi tiết từng loại hàng hóa theo số lượng và giá trị theo chế độ ban hành.
- Cung cấp số liệu từng loại hàng hóa chính xác hiện có trong kho tại thời điểm lập báo cáo và tiến hành lập báo cáo tài chính kịp thời.
- Lập bảng kê chi tiết từng loại vật liệu, hàng hóa hiện có trong kho phù hợp với chỉ tiêu giá trị vật liệu, hàng hóa tồn kho ở Bảng cân đối kế toán.

**Đối với kế toán quản trị hàng hóa: :*

Vấn áp dụng phương pháp kế toán hàng hóa giữa kho và phòng kế toán như Công ty đã thực hiện. Kế toán quản trị hàng hóa phải:

- Xác định giá trị hàng hóa , chi phí thu mua hàng hóa trong đó có bao nhiêu là biến phí và định phí.

- Kế toán quản trị hàng hóa theo dõi từng loại hàng hóa theo từng kho.

- Lập các định mức , kế hoạch thu mua hàng hóa và các báo cáo về việc thu mua, dự trữ hàng hóa phù hợp với khả năng huy động vốn của công ty cũng như nhu cầu thực tế của thị trường.

Nhận thức được vấn đề trên, theo em Công ty TNHH Hùng Thắng nên phân định rõ kế toán quản trị và kế toán tài chính là hết sức cần thiết. Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của Doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại

3.3 Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán hàng hóa tại công ty

Để các giải pháp đưa ra có tính khả thi đòi hỏi có những điều kiện nhất định. Các điều kiện này phải có từ phía nhà nước và doanh nghiệp

- Về phía nhà nước

Đây là điều kiện mang tính chất vĩ mô phải được thực hiện một cách đồng bộ từ chính phủ đến cơ quan chức năng có liên quan

+ Tạo dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi như bộ tài chính cần thông qua và soạn thảo hoàn chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế , rà soát , xem xét lại các văn bản có liên quan đến công tác kế toán , tài chính của doanh nghiệp để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản , hạn chế mức tối đa việc liên tục ban hành văn bản dưới dạng thông tư, nghị định .

+ Cần quan tâm đến yếu tố con người để có đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn cao , nhà nước cần có chính sách thích hợp trong đào tạo .

- + Cần tổ chức tốt việc kiểm tra , kiểm soát chất lượng công tác kế toán .
- Về phía bản thân doanh nghiệp

Các giải pháp chỉ có thể thực hiện được nếu doanh nghiệp có nhận thức đúng đắn về kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng , có đội ngũ cán bộ quản lý kế toán đủ năng lực và trình độ chuyên môn , có sự quan tâm đúng mức đến cơ sở vật chất kỹ thuật của bộ phận kế toán . Tất cả các yếu tố này đều liên quan đến một đối tượng trong doanh nghiệp đó là « con người » doanh nghiệp còn có chính sách phát triển nguồn nhân lực.

KẾT LUẬN

Hàng hóa là một trong những yếu tố quan trọng, đặc biệt với những công ty chuyên về thương mại như Công ty TNHH Hùng Thắng. Hàng hóa, hàng tồn kho biểu hiện vốn của doanh nghiệp chưa luân chuyển, chuẩn bị cho luân chuyển. Vì vậy kế toán hàng hóa có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt trong việc mua vào bán ra đảm bảo có hiệu quả, sinh lời, duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp thương mại. Đồng thời phát triển mở rộng kinh doanh tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong các doanh nghiệp.

Khoá luận “**Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Hùng Thắng**” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, những tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty.

1. Về lý luận: Đã nêu được một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hàng hóa và hạch toán hàng hóa, hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại.

2. Về thực tiễn: Phản ánh tình hình kế toán hàng hóa của Công ty TNHH Hùng Thắng thông qua số liệu thực tế năm 2009.

3. Những biện pháp hoàn thiện: Qua việc tìm hiểu kế toán hàng hóa tại Công ty đối chiếu với lý luận, khoá luận đã đưa ra một số kiến nghị về bộ máy kế toán, vấn đề nhập xuất, tồn kho hàng hoá nhằm góp phần hoàn thiện kế toán hàng hóa tại Công ty. Tuy nhiên, vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ càng về thực tế nên những biện pháp còn nặng về lý thuyết, tính khả thi chưa cao song dù sao cũng là những ý kiến để Công ty tham khảo.

Vì thời gian thực tập có hạn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu còn mới nhưng với sự nhiệt tình giúp đỡ của ban lãnh đạo Công ty, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty và của cô giáo hướng dẫn em đã hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty, các anh chị phòng kế toán Công ty và cô giáo hướng dẫn đã giúp đỡ để em hoàn thành bài khoá luận này.

Sinh viên

Ngô Thị Thùy Dương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sơ đồ kế toán.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành.
4. Các thông tư hướng dẫn việc thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
5. Giáo trình kế toán tài chính:
 - PGS.TS. Võ Văn Nhị - NXB Lao động xã hội.
6. Số liệu tại phòng Kế toán tài chính
 - Công ty TNHH Hùng Thắng